

DANH SÁCH HỒ SƠ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐANG XỬ LÝ QUÁ HẠN (Dữ liệu xuất ngày 09/8/2025)

STT	MA HỒ SƠ	NGÀY TIẾP NHẬN	NGÀY HẸN TRẢ	ĐƠN VỊ XỬ LÝ	NGÀY TRẢ	THỜI GIAN XỬ LÝ	TRẠNG THÁI	MA THỦ TỤC	TÊN THỦ TỤC
1	H19.151-250805-4051	07/08/2025	08/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
2	H19.192-250807-0808	07/08/2025		UBND xã Xuân Bắc		-1	1	2.000913.000.00.00.H19	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch
3	H19.192-250807-0716	07/08/2025		UBND xã Xuân Bắc		-1	1	2.000913.000.00.00.H19	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch
4	H19.110-250806-0308	06/08/2025	07/08/2025	UBND Phường Minh Hưng		-1	2	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
5	H19.151-250806-4670	06/08/2025	07/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
6	H19.167-250805-7798	06/08/2025	08/08/2025	UBND xã Long Thành		-1	4	2.001019.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực di chúc
7	H19.119-250805-7746	06/08/2025	07/08/2025	UBND Xã Lộc Thành		-1	4	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hồ tịch, bản sao Giấy khai sinh
8	H19.177-250806-6307	06/08/2025	07/08/2025	UBND phường Bình Lộc		-1	4	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hồ tịch, bản sao Giấy khai sinh
9	H19.151-250805-7491	06/08/2025	07/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
10	H19.151-250805-7542	06/08/2025	07/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
11	H19.185-250719-0001	06/08/2025	07/08/2025	UBND xã Sông Ray		-1	2	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hồ tịch, bản sao Giấy khai sinh
12	H19.206-250805-7212	05/08/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hồ tịch, bản sao Giấy khai sinh
13	H19.206-250805-7146	05/08/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hồ tịch, bản sao Giấy khai sinh
14	H19.200-250805-0113	05/08/2025		UBND xã Tân Phú		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hồ tịch, bản sao Giấy khai sinh
15	H19.151-250805-3559	05/08/2025	06/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
16	H19.164-250805-5738	05/08/2025		UBND xã Phước Thái		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
17	H19.194-250805-4318	05/08/2025	06/08/2025	UBND xã Định Quán		-1	4	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hồ tịch, bản sao Giấy khai sinh
18	H19.110-250805-7892	05/08/2025		UBND Phường Minh Hưng		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
19	H19.169-250805-6044	05/08/2025		UBND xã An Viễn		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
20	H19.110-250805-5493	05/08/2025		UBND Phường Minh Hưng		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
21	H19.110-250805-5383	05/08/2025		UBND Phường Minh Hưng		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
22	H19.183-250805-5376	05/08/2025		UBND xã Xuân Đường		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hồ tịch, bản sao Giấy khai sinh
23	H19.155-250805-6308	05/08/2025		UBND phường Long Bình		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
24	H19.155-250805-6475	05/08/2025		UBND phường Long Bình		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
25	H19.201-250805-1927	05/08/2025		UBND xã Phú Lâm		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hồ tịch, bản sao Giấy khai sinh
26	H19.178-250805-8027	05/08/2025		UBND phường Báo Vinh		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hồ tịch, bản sao Giấy khai sinh
27	H19.154-250805-7904	05/08/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hồ tịch, bản sao Giấy khai sinh
28	H19.161-250805-2271	05/08/2025		UBND xã Đại Phước		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hồ tịch, bản sao Giấy khai sinh
29	H19.200-250805-3435	05/08/2025		UBND xã Tân Phú		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hồ tịch, bản sao Giấy khai sinh
30	H19.201-250805-1883	05/08/2025		UBND xã Phú Lâm		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hồ tịch, bản sao Giấy khai sinh
31	H19.119-250805-7658	05/08/2025		UBND Xã Lộc Thành		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
32	H19.110-250805-0768	05/08/2025		UBND Phường Minh Hưng		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
33	H19.201-250805-1041	05/08/2025		UBND xã Phú Lâm		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hồ tịch, bản sao Giấy khai sinh
34	H19.200-250805-1126	05/08/2025		UBND xã Tân Phú		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hồ tịch, bản sao Giấy khai sinh
35	H19.206-250805-6907	05/08/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hồ tịch, bản sao Giấy khai sinh
36	H19.206-250805-6509	05/08/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hồ tịch, bản sao Giấy khai sinh
37	H19.206-250805-6569	05/08/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hồ tịch, bản sao Giấy khai sinh
38	H19.206-250805-6978	05/08/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hồ tịch, bản sao Giấy khai sinh
39	H19.206-250805-6550	05/08/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hồ tịch, bản sao Giấy khai sinh
40	H19.206-250805-6959	05/08/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hồ tịch, bản sao Giấy khai sinh
41	H19.206-250805-6456	05/08/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hồ tịch, bản sao Giấy khai sinh
42	H19.206-250805-6931	05/08/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hồ tịch, bản sao Giấy khai sinh

43	H19.206-250805-7187	05/08/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh
44	H19.206-250805-6176	05/08/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh
45	H19.164-250805-2660	05/08/2025		UBND xã Phước Thái		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
46	H19.189-250805-4391	05/08/2025		UBND xã Xuân Lộc		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh
47	H19.206-250805-6476	05/08/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh
48	H19.201-250805-1963	05/08/2025		UBND xã Phú Lâm		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh
49	H19.151-250805-1945	05/08/2025	06/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biến pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
50	H19.169-250805-5909	05/08/2025		UBND xã An Viễn		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
51	H19.110-250805-3033	05/08/2025		UBND Phường Minh Hưng		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
52	H19.152-250805-3511	05/08/2025		UBND phường Biên Hòa		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh
53	H19.153-250805-6918	05/08/2025		UBND phường Trần Biên		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh
54	H19.110-250805-7147	05/08/2025		UBND Phường Minh Hưng		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
55	H19.164-250805-1995	05/08/2025		UBND xã Phước Thái		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
56	H19.169-250805-5920	05/08/2025		UBND xã An Viễn		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
57	H19.162-250805-3815	05/08/2025		UBND xã Nhơn Trạch		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
58	H19.162-250805-3593	05/08/2025		UBND xã Nhơn Trạch		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
59	H19.110-250805-5978	05/08/2025		UBND Phường Minh Hưng		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
60	H19.200-250805-5871	05/08/2025		UBND xã Tân Phú		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh
61	H19.182-250805-0750	05/08/2025	06/08/2025	UBND xã Xuân Quế		-1	4	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh
62	H19.154-250723-1569	05/08/2025	08/08/2025	UBND phường Tam Hiệp		-1	2	1.001266.000.00.00.H19	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh
63	H19.177-250805-2646	05/08/2025	08/08/2025	UBND phường Bình Lộc		-1	4	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
64	H19.164-250805-5911	05/08/2025		UBND xã Phước Thái		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
65	H19.192-250805-3308	05/08/2025	06/08/2025	UBND xã Xuân Bắc		-1	4	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh
66	H19.22.44-250805-8023	05/08/2025		UBND xã Long Hưng		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
67	H19.153-250805-2022	05/08/2025		UBND phường Trần Biên		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh
68	H19.187-250804-7987	05/08/2025	08/08/2025	UBND xã Xuân Định		-1	4	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
69	H19.161-250805-1636	05/08/2025		UBND xã Đại Phước		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh
70	H19.164-250805-1442	05/08/2025		UBND xã Phước Thái		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
71	H19.110-250805-0463	05/08/2025		UBND Phường Minh Hưng		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
72	H19.119-250805-3288	05/08/2025		UBND Xã Lộc Thành		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
73	H19.200-250805-6221	05/08/2025		UBND xã Tân Phú		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh
74	H19.152-250805-5053	05/08/2025	08/08/2025	UBND phường Biên Hòa		-1	2	1.001266.000.00.00.H19	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh
75	H19.206-250805-7045	05/08/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh
76	H19.206-250805-7014	05/08/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh
77	H19.110-250804-7580	04/08/2025		UBND Phường Minh Hưng		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)

78	H19.110-250804-8176	04/08/2025		UBND Phường Minh Hưng		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
79	H19.151-250804-7611	04/08/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
80	H19.154-250804-8091	04/08/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	1.001193.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký khai sinh
81	H19.151-250804-1978	04/08/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
82	H19.153-250804-1739	04/08/2025		UBND phường Trăn Biên		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
83	H19.110-250804-6432	04/08/2025		UBND Phường Minh Hưng		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
84	H19.153-250804-3332	04/08/2025		UBND phường Trăn Biên		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
85	H19.155-250804-1199	04/08/2025		UBND phường Long Bình		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
86	H19.153-250804-3789	04/08/2025		UBND phường Trăn Biên		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hồ tịch, bản sao Giấy khai sinh
87	H19.153-250804-0349	04/08/2025		UBND phường Trăn Biên		-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hồ kinh doanh
88	H19.192-250804-7328	04/08/2025		UBND xã Xuân Bắc		-1	1	1.001193.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký khai sinh
89	H19.153-250804-8444	04/08/2025		UBND phường Trăn Biên		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
90	H19.151-250804-7680	04/08/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
91	H19.156-250801-1478	04/08/2025		UBND phường Trảng Dài		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hồ tịch, bản sao Giấy khai sinh
92	H19.153-250804-7569	04/08/2025		UBND phường Trăn Biên		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
93	H19.189-250804-8418	04/08/2025		UBND xã Xuân Lộc		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hồ tịch, bản sao Giấy khai sinh
94	H19.110-250804-0342	04/08/2025		UBND Phường Minh Hưng		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
95	H19.110-250804-0126	04/08/2025		UBND Phường Minh Hưng		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
96	H19.151-250804-7742	04/08/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
97	H19.110-250804-7589	04/08/2025		UBND Phường Minh Hưng		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
98	H19.188-250804-7471	04/08/2025		UBND xã Xuân Phú		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hồ tịch, bản sao Giấy khai sinh
99	H19.110-250804-7734	04/08/2025		UBND Phường Minh Hưng		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
100	H19.153-250804-4053	04/08/2025		UBND phường Trăn Biên		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
101	H19.200-250804-8414	04/08/2025		UBND xã Tân Phú		-1	1	1.001193.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký khai sinh
102	H19.189-250804-8408	04/08/2025		UBND xã Xuân Lộc		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hồ tịch, bản sao Giấy khai sinh
103	H19.154-250722-7956	04/08/2025	07/08/2025	UBND phường Tam Hiệp		-1	2	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
104	H19.110-250804-0616	04/08/2025		UBND Phường Minh Hưng		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
105	H19.151-250804-5611	04/08/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
106	H19.171-250804-4532	04/08/2025		UBND xã Trảng Bom		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
107	H19.169-250804-5716	04/08/2025	05/08/2025	UBND xã An Viễn		-1	4	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
108	H19.151-250804-2868	04/08/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
109	H19.119-250804-3433	04/08/2025		UBND Xã Lộc Thành		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
110	H19.160-250801-5828	04/08/2025	07/08/2025	UBND phường Tam Phước		-1	2	1.004873.000.00.00.H19	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
111	H19.192-250804-6552	04/08/2025		UBND xã Xuân Bắc		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
112	H19.119-250804-2831	04/08/2025		UBND Xã Lộc Thành		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
113	H19.153-250804-4280	04/08/2025		UBND phường Trăn Biên		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hồ tịch, bản sao Giấy khai sinh

114	H19.110-250804-2184	04/08/2025		UBND Phường Minh Hưng		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
115	H19.188-250804-1658	04/08/2025		UBND xã Xuân Phú		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh
116	H19.110-250804-7693	04/08/2025		UBND Phường Minh Hưng		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
117	H19.117-250804-3984	04/08/2025	07/08/2025	UBND Phường Bình Long		-1	4	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
118	H19.169-250804-6271	04/08/2025	05/08/2025	UBND xã An Viễn		-1	4	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
119	H19.151-250804-7686	04/08/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
120	H19.151-250804-7841	04/08/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
121	H19.117-250804-6155	04/08/2025		UBND Phường Bình Long		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
122	H19.189-250804-8134	04/08/2025		UBND xã Xuân Lộc		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh
123	H19.153-250804-6736	04/08/2025		UBND phường Trần Biên		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh
124	H19.188-250804-7756	04/08/2025		UBND xã Xuân Phú		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh
125	H19.182-250802-1720	04/08/2025	07/08/2025	UBND xã Xuân Quế		-1	4	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
126	H19.110-250804-5227	04/08/2025		UBND Phường Minh Hưng		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
127	H19.119-250804-4224	04/08/2025		UBND Xã Lộc Thành		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh
128	H19.170-250804-5254	04/08/2025		UBND Xã Bình Minh		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
129	H19.153-250804-6286	04/08/2025		UBND phường Trần Biên		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
130	H19.192-250804-8238	04/08/2025		UBND xã Xuân Bắc		-1	1	1.001193.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký khai sinh
131	H19.153-250804-5677	04/08/2025		UBND phường Trần Biên		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
132	H19.152-250804-4066	04/08/2025		UBND phường Biên Hòa		-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
133	H19.189-250804-7239	04/08/2025		UBND xã Xuân Lộc		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh
134	H19.151-250804-5801	04/08/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
135	H19.116-250804-0103	04/08/2025		UBND Xã Minh Đức		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
136	H19.189-250804-8167	04/08/2025		UBND xã Xuân Lộc		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh
137	H19.189-250804-8183	04/08/2025		UBND xã Xuân Lộc		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh
138	H19.110-250804-1163	04/08/2025		UBND Phường Minh Hưng		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
139	H19.110-250804-1190	04/08/2025		UBND Phường Minh Hưng		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
140	H19.151-250804-4897	04/08/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
141	H19.167-250804-0836	04/08/2025		UBND xã Long Thành		-1	1	1.001193.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký khai sinh
142	H19.151-250804-5171	04/08/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
143	H19.201-250804-4720	04/08/2025		UBND xã Phú Lâm		-1	1	1.000656.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký khai tử
144	H19.172-250804-5184	04/08/2025		UBND xã Bàu Hàm		-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
145	H19.113-250804-1619	04/08/2025		UBND Xã Tân Quan		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh
146	H19.151-250804-7268	04/08/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
147	H19.163-250804-3868	04/08/2025		UBND xã Phước An		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
148	H19.163-250804-3825	04/08/2025		UBND xã Phước An		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
149	H19.163-250804-3711	04/08/2025		UBND xã Phước An		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
150	H19.163-250804-3792	04/08/2025		UBND xã Phước An		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
151	H19.168-250804-4456	04/08/2025		UBND xã An Phước		-1	1	1.001193.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký khai sinh
152	H19.153-250804-7919	04/08/2025		UBND phường Trần Biên		-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
153	H19.153-250804-4036	04/08/2025		UBND phường Trần Biên		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
154	H19.153-250804-3717	04/08/2025		UBND phường Trần Biên		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh

155	H19.182-250804-7294	04/08/2025	07/08/2025	UBND xã Xuân Quế		-1	4	1.004873.000.00.00.H19	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
156	H19.153-250804-8151	04/08/2025		UBND phường Trần Biên		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
157	H19.153-250804-3241	04/08/2025		UBND phường Trần Biên		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
158	H19.188-250804-4537	04/08/2025		UBND xã Xuân Phú		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh
159	H19.153-250804-3042	04/08/2025		UBND phường Trần Biên		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
160	H19.110-250804-4907	04/08/2025		UBND Phường Minh Hưng		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
161	H19.110-250804-4451	04/08/2025		UBND Phường Minh Hưng		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
162	H19.153-250804-4051	04/08/2025		UBND phường Trần Biên		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
163	H19.189-250804-8181	04/08/2025		UBND xã Xuân Lộc		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh
164	H19.154-250804-0967	04/08/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
165	H19.110-250804-6092	04/08/2025		UBND Phường Minh Hưng		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
166	H19.161-250804-5819	04/08/2025		UBND xã Đại Phước		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh
167	H19.31.23-250804-4301	04/08/2025		UBND xã Bình Minh		-1	1	1.001266.000.00.00.H19	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh
168	H19.152-250804-3324	04/08/2025		UBND phường Biên Hòa		-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
169	H19.190-250804-7732	04/08/2025		UBND xã Xuân Hòa		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh
170	H19.160-250804-8003	04/08/2025		UBND phường Tam Phước		-1	4	1.001266.000.00.00.H19	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh
171	H19.110-250804-0764	04/08/2025		UBND Phường Minh Hưng		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
172	H19.110-250804-0690	04/08/2025		UBND Phường Minh Hưng		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
173	H19.153-250803-0335	03/08/2025		UBND phường Trần Biên		-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
174	H19.161-250803-0321	03/08/2025		UBND xã Đại Phước		-1	1	1.001193.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký khai sinh
175	H19.169-250803-0203	03/08/2025		UBND xã An Viễn		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
176	H19.160-250803-0067	03/08/2025		UBND phường Tam Phước		-1	4	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
177	H19.160-250803-0018	03/08/2025		UBND phường Tam Phước		-1	4	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
178	H19.110-250803-0189	03/08/2025		UBND Phường Minh Hưng		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
179	H19.160-250803-0012	03/08/2025		UBND phường Tam Phước		-1	4	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
180	H19.169-250803-0208	03/08/2025		UBND xã An Viễn		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
181	H19.155-250801-7321	02/08/2025		UBND phường Long Bình		-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
182	H19.157-250801-6726	02/08/2025		UBND phường Hồ Nai		-1	1	1.001266.000.00.00.H19	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh
183	H19.151-250802-0821	02/08/2025	05/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
184	H19.113-250731-7027	01/08/2025	06/08/2025	UBND Xã Tân Quan		-1	4	1.004873.000.00.00.H19	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
185	H19.196-250801-1507	01/08/2025		UBND xã Phú Vinh		-1	1	2.001035.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở
186	H19.182-250725-0015	01/08/2025	05/08/2025	UBND xã Xuân Quế		-1	2	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
187	H19.110-250801-0985	01/08/2025		UBND Phường Minh Hưng		-1	1	1.001266.000.00.00.H19	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh
188	H19.156-250731-7356	01/08/2025	04/08/2025	UBND phường Trảng Dài		-1	2	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
189	H19.156-250731-7503	01/08/2025	04/08/2025	UBND phường Trảng Dài		-1	2	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
190	H19.156-250731-7393	01/08/2025	04/08/2025	UBND phường Trảng Dài		-1	2	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
191	H19.156-250731-7492	01/08/2025	04/08/2025	UBND phường Trảng Dài		-1	2	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận

192	H19.110-250801-1103	01/08/2025		UBND Phường Minh Hưng		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
193	H19.110-250731-7119	01/08/2025	06/08/2025	UBND Phường Minh Hưng		-1	4	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
194	H19.151-250731-7013	01/08/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
195	H19.169-250801-2275	01/08/2025		UBND xã An Viễn		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
196	H19.151-250801-1386	01/08/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
197	H19.148-250801-1699	01/08/2025	08/08/2025	UBND Xã Đak Nhau		-1	5	1.000894.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký kết hôn
198	H19.167-250801-1517	01/08/2025		UBND xã Long Thành		-1	1	1.001266.000.00.00.H19	Chấm dứt hoạt động hồ kinh doanh
199	H19.151-250801-1905	01/08/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
200	H19.18-250731-5527	01/08/2025	05/08/2025	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Nai		-1	4	2.002478.000.00.00.H19	Chuyển trường đổi với học sinh trung học phổ thông.
201	H19.110-250801-4944	01/08/2025		UBND Phường Minh Hưng		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
202	H19.153-250801-5245	01/08/2025	06/08/2025	UBND phường Trần Biên		-1	4	1.004873.000.00.00.H19	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
203	H19.173-250731-7025	01/08/2025	06/08/2025	UBND xã Hưng Thịnh		-1	4	1.004873.000.00.00.H19	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
204	H19.152-250801-1440	01/08/2025		UBND phường Biên Hòa		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
205	H19.151-250801-2420	01/08/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
206	H19.169-250801-5217	01/08/2025		UBND xã An Viễn		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
207	H19.110-250801-1844	01/08/2025		UBND Phường Minh Hưng		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
208	H19.110-250801-1163	01/08/2025		UBND Phường Minh Hưng		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
209	H19.152-250801-6333	01/08/2025		UBND phường Biên Hòa		-1	1	1.001266.000.00.00.H19	Chấm dứt hoạt động hồ kinh doanh
210	H19.152-250801-0843	01/08/2025		UBND phường Biên Hòa		-1	1	1.001266.000.00.00.H19	Chấm dứt hoạt động hồ kinh doanh
211	H19.145-250731-0947	01/08/2025	06/08/2025	UBND Xã Nghĩa Trung		-1	4	1.004873.000.00.00.H19	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
212	H19.145-250801-1422	01/08/2025	05/08/2025	UBND Xã Nghĩa Trung		-1	4	2.001035.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở
213	H19.169-250801-1277	01/08/2025		UBND xã An Viễn		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
214	H19.160-250801-7217	01/08/2025		UBND phường Tam Phước		-1	4	1.001266.000.00.00.H19	Chấm dứt hoạt động hồ kinh doanh
215	H19.160-250801-1085	01/08/2025		UBND phường Tam Phước		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
216	H19.151-250731-5011	31/07/2025	05/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
217	H19.151-250731-4409	31/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
218	H19.168-250730-4327	31/07/2025	05/08/2025	UBND xã An Phước		-1	4	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hồ kinh doanh
219	H19.172-250730-1693	31/07/2025	01/08/2025	UBND xã Bầu Hào		-1	4	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh
220	H19.151-250731-2777	31/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
221	H19.162-250721-9191	31/07/2025	05/08/2025	UBND xã Nhơn Trạch		-1	4	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
222	H19.110-250731-3876	31/07/2025		UBND Phường Minh Hưng		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
223	H19.110-250731-4085	31/07/2025		UBND Phường Minh Hưng		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
224	H19.155-250731-7537	31/07/2025		UBND phường Long Bình		-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hồ kinh doanh
225	H19.189-250731-3861	31/07/2025		UBND xã Xuân Lộc		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh
226	H19.110-250731-1440	31/07/2025		UBND Phường Minh Hưng		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
227	H19.9-250731-0002	31/07/2025		Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
228	H19.3-250731-4220	31/07/2025		Sở Nội vụ		-1	1	2.000205.000.00.00.H19	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam
229	H19.175-250731-5520	31/07/2025		UBND xã Gia Kiệm		-1	1	1.001570.000.00.00.H19	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh
230	H19.151-250731-0059	31/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất

231	H19.166-250731-7501	31/07/2025		UBND xã Bình An		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
232	H19.166-250731-7456	31/07/2025		UBND xã Bình An		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
233	H19.166-250731-7426	31/07/2025		UBND xã Bình An		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
234	H19.166-250731-7434	31/07/2025		UBND xã Bình An		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
235	H19.166-250731-7511	31/07/2025		UBND xã Bình An		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
236	H19.166-250731-7466	31/07/2025		UBND xã Bình An		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
237	H19.166-250731-7468	31/07/2025		UBND xã Bình An		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
238	H19.153-250731-2247	31/07/2025		UBND phường Trần Biên		-1	1	1.001193.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký khai sinh
239	H19.151-250731-2660	31/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
240	H19.151-250731-4156	31/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
241	H19.155-250731-2455	31/07/2025		UBND phường Long Bình		-1	1	2.001035.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở
242	H19.204-250731-4641	31/07/2025	04/08/2025	UBND xã Trị An		-1	4	2.001035.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở
243	H19.3-250730-0651	31/07/2025		Sở Nội vụ		-1	1	2.000205.000.00.00.H19	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam
244	H19.166-250731-7402	31/07/2025		UBND xã Bình An		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
245	H19.157-250730-4533	31/07/2025	01/08/2025	UBND phường Hồ Nai		-1	4	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh
246	H19.192-250731-2504	31/07/2025		UBND xã Xuân Bắc		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh
247	H19.110-250731-3984	31/07/2025		UBND Phường Minh Hưng		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
248	H19.110-250731-5714	31/07/2025		UBND Phường Minh Hưng		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
249	H19.110-250731-5773	31/07/2025		UBND Phường Minh Hưng		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
250	H19.184-250731-0294	31/07/2025		UBND xã Cẩm Mỹ		-1	4	1.000894.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký kết hôn
251	H19.160-250731-2773	31/07/2025		UBND phường Tam Phước		-1	1	1.000894.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký kết hôn
252	H19.173-250731-5466	31/07/2025		UBND xã Hưng Thịnh		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
253	H19.152-250728-4542	31/07/2025	07/08/2025	UBND phường Biên Hòa		-1	4	1.004884.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký lại khai sinh
254	H19.151-250731-2355	31/07/2025	05/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.011442.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
255	H19.151-250731-2281	31/07/2025	05/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
256	H19.156-250731-7366	31/07/2025		UBND phường Trảng Dài		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh
257	H19.151-250730-7855	31/07/2025	05/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
258	H19.9-250731-0004	31/07/2025		Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
259	H19.151-250731-4057	31/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
260	H19.151-250731-4382	31/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất

261	H19.166-250731-7373	31/07/2025		UBND xã Bình An		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
262	H19.151-250731-6201	31/07/2025	07/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
263	H19.157-250730-4448	31/07/2025	05/08/2025	UBND phường Hồ Nai		-1	2	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
264	H19.166-250731-7363	31/07/2025		UBND xã Bình An		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
265	H19.151-250731-4334	31/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011442.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
266	H19.151-250731-3353	31/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
267	H19.131-250730-8148	31/07/2025	04/08/2025	UBND Xã Đa Kía		-1	4	2.001035.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở
268	H19.157-250730-4481	31/07/2025	05/08/2025	UBND phường Hồ Nai		-1	2	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
269	H19.156-250724-4897	31/07/2025	05/08/2025	UBND phường Trảng Dài		-1	2	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
270	H19.156-250724-1982	31/07/2025	05/08/2025	UBND phường Trảng Dài		-1	2	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
271	H19.151-250731-7149	31/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
272	H19.159-250730-8319	31/07/2025	05/08/2025	UBND phường Phước Tân		-1	2	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
273	H19.151-250731-6568	31/07/2025	05/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	2	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
274	H19.151-250731-3309	31/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
275	H19.162-250722-8833	31/07/2025	05/08/2025	UBND xã Nhơn Trạch		-1	4	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
276	H19.18-250731-1514	31/07/2025	04/08/2025	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Nai		-1	4	2.002478.000.00.00.H19	Chuyển trường đối với học sinh trung học phổ thông
277	H19.164-250731-5550	31/07/2025	05/08/2025	UBND xã Phước Thái		-1	4	1.004873.000.00.00.H19	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
278	H19.151-250731-3318	31/07/2025	08/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất
279	H19.151-250731-0116	31/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
280	H19.151-250731-6813	31/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
281	H19.12-250730-8015	31/07/2025	07/08/2025	Sở Y tế tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012275.000.00.00.H19	Đăng ký hành nghề
282	H19.110-250731-3059	31/07/2025	05/08/2025	UBND Phường Minh Hưng		-1	4	1.004873.000.00.00.H19	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
283	H19.167-250725-7343	31/07/2025	07/08/2025	UBND xã Long Thành		-1	4	2.000806.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài
284	H19.151-250731-5336	31/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
285	H19.156-250724-4514	31/07/2025	05/08/2025	UBND phường Trảng Dài		-1	2	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
286	H19.113-250731-3461	31/07/2025		UBND Xã Tân Quan		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hồ tịch, bản sao Giấy khai sinh
287	H19.117-250731-6281	31/07/2025		UBND Phường Bình Long		-1	1	1.000894.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký kết hôn
288	H19.156-250725-1457	31/07/2025		UBND phường Trảng Dài		-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
289	H19.151-250730-2382	31/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
290	H19.151-250731-4069	31/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
291	H19.151-250731-3010	31/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
292	H19.151-250731-2963	31/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
293	H19.113-250731-6787	31/07/2025		UBND Xã Tân Quan		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
294	H19.157-250729-8738	31/07/2025	05/08/2025	UBND phường Hồ Nai		-1	2	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
295	H19.159-250730-8223	31/07/2025	05/08/2025	UBND phường Phước Tân		-1	2	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
296	H19.151-250731-0081	31/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
297	H19.151-250731-1497	31/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
298	H19.151-250731-1405	31/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
299	H19.113-250731-5324	31/07/2025		UBND Xã Tân Quan		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
300	H19.113-250731-5560	31/07/2025		UBND Xã Tân Quan		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
301	H19.157-250730-4463	31/07/2025	05/08/2025	UBND phường Hồ Nai		-1	2	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
302	H19.206-250731-7338	31/07/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
303	H19.168-250731-2721	31/07/2025		UBND xã An Phước		-1	1	1.001266.000.00.00.H19	Chấm dứt hoạt động hồ kinh doanh
304	H19.171-250731-3652	31/07/2025		UBND xã Trảng Bom		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hồ tịch, bản sao Giấy khai sinh
305	H19.110-250731-2380	31/07/2025		UBND Phường Minh Hưng		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
306	H19.110-250731-2942	31/07/2025		UBND Phường Minh Hưng		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)

307	H19.110-250731-2270	31/07/2025		UBND Phường Minh Hưng		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
308	H19.156-250724-0532	31/07/2025	05/08/2025	UBND phường Trảng Dài		-1	2	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
309	H19.168-250729-8441	31/07/2025	05/08/2025	UBND xã An Phước		-1	4	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
310	H19.110-250731-3088	31/07/2025		UBND Phường Minh Hưng		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
311	H19.156-250724-2610	31/07/2025	05/08/2025	UBND phường Trảng Dài		-1	2	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
312	H19.151-250731-5859	31/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
313	H19.151-250731-6924	31/07/2025	05/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
314	H19.110-250731-7349	31/07/2025		UBND Phường Minh Hưng		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
315	H19.110-250731-7344	31/07/2025		UBND Phường Minh Hưng		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
316	H19.110-250731-6909	31/07/2025		UBND Phường Minh Hưng		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
317	H19.110-250731-7339	31/07/2025		UBND Phường Minh Hưng		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
318	H19.110-250731-7351	31/07/2025		UBND Phường Minh Hưng		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
319	H19.151-250731-2495	31/07/2025	05/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
320	H19.151-250731-2390	31/07/2025	05/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
321	H19.156-250724-5979	31/07/2025	05/08/2025	UBND phường Trảng Dài		-1	2	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
322	H19.157-250730-0126	30/07/2025	04/08/2025	UBND phường Hồ Nai		-1	4	1.004873.000.00.00.H19	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
323	H19.151-250730-4237	30/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
324	H19.169-250730-3527	30/07/2025	31/07/2025	UBND xã An Viễn		-1	4	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh
325	H19.151-250730-5760	30/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
326	H19.110-250730-0143	30/07/2025		UBND Phường Minh Hưng		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
327	H19.110-250730-0184	30/07/2025		UBND Phường Minh Hưng		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
328	H19.24-250707-1272	30/07/2025	08/08/2025	UBND huyện Cẩm Mỹ - tỉnh Đồng Nai		-1	2	1.012808.H19	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân khi hết hạn sử dụng đất
329	H19.151-250729-8602	30/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
330	H19.151-250730-3722	30/07/2025	31/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
331	H19.3-250730-4523	30/07/2025		Sở Nội vụ		-1	1	2.000134.000.00.00.H19	Khai báo với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội địa phương khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động
332	H19.168-250729-1718	30/07/2025	04/08/2025	UBND xã An Phước		-1	4	1.001266.000.00.00.H19	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh
333	H19.110-250730-2438	30/07/2025		UBND Phường Minh Hưng		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
334	H19.154-250730-5595	30/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	1.001193.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký khai sinh
335	H19.154-250730-7816	30/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	1.001193.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký khai sinh
336	H19.168-250728-2207	30/07/2025	04/08/2025	UBND xã An Phước		-1	4	1.001266.000.00.00.H19	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh
337	H19.197-250730-5305	30/07/2025	04/08/2025	UBND xã Phú Hòa		-1	4	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
338	H19.151-250730-2233	30/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
339	H19.171-250729-7858	30/07/2025		UBND xã Trảng Bom		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
340	H19.155-250730-8452	30/07/2025		UBND phường Long Bình		-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
341	H19.155-250730-8486	30/07/2025		UBND phường Long Bình		-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
342	H19.167-250729-8418	30/07/2025	04/08/2025	UBND xã Long Thành		-1	4	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
343	H19.156-250730-1279	30/07/2025		UBND phường Trảng Dài		-1	1	1.004859.000.00.00.H19	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc
344	H19.167-250730-2047	30/07/2025	04/08/2025	UBND xã Long Thành		-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
345	H19.151-250730-6922	30/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
346	H19.151-250730-6680	30/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
347	H19.151-250730-6871	30/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất

348	H19.162-250730-3269	30/07/2025	04/08/2025	UBND xã Nhơn Trạch	-1	4	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
349	H19.164-250730-6585	30/07/2025		UBND xã Phước Thái	-1	1	1.001266.000.00.00.H19	Chấm dứt hoạt động hồ kinh doanh
350	H19.154-250730-6554	30/07/2025		UBND phường Tam Hiệp	-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hồ tịch, bản sao Giấy khai sinh
351	H19.167-250723-7988	30/07/2025	04/08/2025	UBND xã Long Thành	-1	4	1.001266.000.00.00.H19	Chấm dứt hoạt động hồ kinh doanh
352	H19.206-250729-7410	30/07/2025	04/08/2025	UBND phường Tân Triều	-1	4	1.000689.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhân cha, mẹ, con
353	H19.164-250730-6759	30/07/2025		UBND xã Phước Thái	-1	1	1.001266.000.00.00.H19	Chấm dứt hoạt động hồ kinh doanh
354	H19.151-250730-0536	30/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
355	H19.190-250730-3841	30/07/2025	01/08/2025	UBND xã Xuân Hòa	-1	4	2.001035.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở
356	H19.155-250729-8975	30/07/2025	04/08/2025	UBND phường Long Bình	-1	2	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
357	H19.135-250730-3639	30/07/2025		UBND Xã Long Hà	-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
358	H19.154-250730-1470	30/07/2025		UBND phường Tam Hiệp	-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
359	H19.151-250724-3495	30/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
360	H19.169-250730-2213	30/07/2025		UBND xã An Viễn	-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
361	H19.167-250730-3799	30/07/2025	04/08/2025	UBND xã Long Thành	-1	4	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
362	H19.167-250730-6657	30/07/2025	06/08/2025	UBND xã Long Thành	-1	4	1.000894.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký kết hôn
363	H19.154-250730-6360	30/07/2025		UBND phường Tam Hiệp	-1	1	1.001266.000.00.00.H19	Chấm dứt hoạt động hồ kinh doanh
364	H19.151-250730-4491	30/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
365	H19.160-250730-3861	30/07/2025		UBND phường Tam Phước	-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
366	H19.160-250730-4006	30/07/2025		UBND phường Tam Phước	-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
367	H19.143-250730-3461	30/07/2025		UBND Xã Đồng Phú	-1	1	1.001266.000.00.00.H19	Chấm dứt hoạt động hồ kinh doanh
368	H19.151-250730-5627	30/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
369	H19.156-250728-7941	30/07/2025	04/08/2025	UBND phường Trảng Dài	-1	2	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
370	H19.151-250730-3206	30/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
371	H19.3-250722-0937	30/07/2025	06/08/2025	Sở Nội vụ	-1	4	2.000205.000.00.00.H19	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam
372	H19.170-250730-0570	30/07/2025	31/07/2025	UBND Xã Bình Minh	-1	2	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
373	H19.151-250730-0709	30/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
374	H19.114-250730-4553	30/07/2025		UBND Xã Tân Hưng	-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
375	H19.152-250730-8384	30/07/2025		UBND phường Biên Hòa	-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
376	H19.167-250730-0556	30/07/2025	04/08/2025	UBND xã Long Thành	-1	4	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
377	H19.167-250728-4553	30/07/2025	04/08/2025	UBND xã Long Thành	-1	4	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
378	H19.151-250730-7799	30/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
379	H19.157-250730-0016	30/07/2025		UBND phường Hồ Nai	-1	1	1.005277.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhân sáp nhập
380	H19.110-250730-6413	30/07/2025		UBND Phường Minh Hưng	-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
381	H19.143-250730-2767	30/07/2025	04/08/2025	UBND Xã Đồng Phú	-1	4	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
382	H19.169-250730-1524	30/07/2025		UBND xã An Viễn	-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
383	H19.151-250730-4630	30/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
384	H19.151-250730-4613	30/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011442.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
385	H19.151-250730-7768	30/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
386	H19.151-250730-3749	30/07/2025	31/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
387	H19.151-250730-7927	30/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
388	H19.151-250730-3542	30/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất

389	H19.151-250730-3656	30/07/2025	31/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
390	H19.151-250730-3596	30/07/2025	31/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
391	H19.160-250730-1088	30/07/2025		UBND phường Tam Phước	-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
392	H19.167-250729-8379	30/07/2025	04/08/2025	UBND xã Long Thành	-1	4	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
393	H19.167-250730-1201	30/07/2025	04/08/2025	UBND xã Long Thành	-1	4	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
394	H19.167-250730-2081	30/07/2025	04/08/2025	UBND xã Long Thành	-1	4	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
395	H19.157-250728-5059	30/07/2025	04/08/2025	UBND phường Hồ Nai	-1	2	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
396	H19.151-250730-0507	30/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
397	H19.143-250730-2010	30/07/2025		UBND Xã Đồng Phú	-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
398	H19.151-250730-5292	30/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
399	H19.151-250730-3085	30/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
400	H19.124-250730-6380	30/07/2025	04/08/2025	UBND Xã Lộc Quang	-1	4	1.004873.000.00.00.H19	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
401	H19.110-250730-6634	30/07/2025		UBND Phường Minh Hưng	-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
402	H19.151-250730-0257	30/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
403	H19.192-250730-7227	30/07/2025		UBND xã Xuân Bắc	-1	1	1.001193.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký khai sinh
404	H19.151-250730-4063	30/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
405	H19.177-250730-5924	30/07/2025	04/08/2025	UBND phường Bình Lộc	-1	2	2.000575.000.00.00.H19	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh
406	H19.153-250730-6832	30/07/2025		UBND phường Trần Biên	-1	1	2.000575.000.00.00.H19	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh
407	H19.151-250730-4037	30/07/2025	31/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
408	H19.151-250730-4658	30/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011442.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
409	H19.167-250730-2782	30/07/2025	04/08/2025	UBND xã Long Thành	-1	4	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
410	H19.184-250730-3742	30/07/2025		UBND xã Cẩm Mỹ	-1	1	1.001731.000.00.00.H19	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội
411	H19.154-250730-3053	30/07/2025		UBND phường Tam Hiệp	-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
412	H19.113-250730-7285	30/07/2025		UBND Xã Tân Quan	-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
413	H19.160-250730-0633	30/07/2025		UBND phường Tam Phước	-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh
414	H19.157-250728-1956	30/07/2025	04/08/2025	UBND phường Hồ Nai	-1	2	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
415	H19.151-250730-7834	30/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
416	H19.192-250730-1067	30/07/2025	31/07/2025	UBND xã Xuân Bắc	-1	4	1.000894.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký kết hôn
417	H19.151-250730-6715	30/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
418	H19.167-250730-0412	30/07/2025	04/08/2025	UBND xã Long Thành	-1	4	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
419	H19.157-250729-1390	30/07/2025	04/08/2025	UBND phường Hồ Nai	-1	2	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
420	H19.151-250730-0293	30/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
421	H19.151-250730-3549	30/07/2025	31/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
422	H19.9-250730-0002	30/07/2025		Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai	-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
423	H19.167-250729-8900	30/07/2025	06/08/2025	UBND xã Long Thành	-1	4	1.000894.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký kết hôn
424	H19.157-250728-8580	30/07/2025	04/08/2025	UBND phường Hồ Nai	-1	2	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
425	H19.110-250730-3973	30/07/2025		UBND Phường Minh Hưng	-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
426	H19.110-250730-4056	30/07/2025		UBND Phường Minh Hưng	-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
427	H19.175-250730-1251	30/07/2025		UBND xã Gia Kiệm	-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh
428	H19.151-250730-1690	30/07/2025	31/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
429	H19.154-250730-7411	30/07/2025		UBND phường Tam Hiệp	-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
430	H19.168-250728-7467	30/07/2025	04/08/2025	UBND xã An Phước	-1	4	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
431	H19.110-250730-0737	30/07/2025	04/08/2025	UBND Phường Minh Hưng	-1	4	1.001022.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con
432	H19.154-250730-6938	30/07/2025		UBND phường Tam Hiệp	-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
433	H19.143-250730-2658	30/07/2025	04/08/2025	UBND Xã Đồng Phú	-1	4	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
434	H19.167-250730-0141	30/07/2025	04/08/2025	UBND xã Long Thành	-1	4	1.001266.000.00.00.H19	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh
435	H19.169-250730-2723	30/07/2025		UBND xã An Viễn	-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)

436	H19.171-250729-6005	30/07/2025	08/08/2025	UBND xã Trảng Bom	-1	4	2.001921.000.00.00.H19	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ
437	H19.151-250729-7511	29/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
438	H19.151-250729-2376	29/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
439	H19.151-250729-1041	29/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
440	H19.151-250729-1123	29/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
441	H19.151-250729-0953	29/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
442	H19.110-250729-8484	29/07/2025		UBND Phường Minh Hưng	-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
443	H19.110-250729-8682	29/07/2025		UBND Phường Minh Hưng	-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
444	H19.110-250729-8701	29/07/2025		UBND Phường Minh Hưng	-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
445	H19.167-250729-6787	29/07/2025		UBND xã Long Thành	-1	1	1.001266.000.00.00.H19	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh
446	H19.151-250729-3923	29/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
447	H19.151-250729-0542	29/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
448	H19.151-250729-0488	29/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
449	H19.157-250729-2807	29/07/2025		UBND phường Hồ Nai	-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh
450	H19.157-250729-3054	29/07/2025		UBND phường Hồ Nai	-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh
451	H19.9-250729-0005	29/07/2025		Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai	-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
452	H19.172-250729-3727	29/07/2025		UBND xã Bầu Hàm	-1	1	2.000575.000.00.00.H19	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh
453	H19.172-250729-3845	29/07/2025		UBND xã Bầu Hàm	-1	1	2.000575.000.00.00.H19	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh
454	H19.177-250728-8256	29/07/2025	01/08/2025	UBND phường Bình Lộc	-1	4	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
455	H19.161-250729-8599	29/07/2025		UBND xã Đại Phước	-1	1	1.000894.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký kết hôn
456	H19.154-250729-2869	29/07/2025		UBND phường Tam Hiệp	-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
457	H19.113-250729-2465	29/07/2025		UBND Xã Tân Quan	-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
458	H19.113-250729-2587	29/07/2025		UBND Xã Tân Quan	-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
459	H19.113-250729-2615	29/07/2025		UBND Xã Tân Quan	-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
460	H19.113-250729-2394	29/07/2025		UBND Xã Tân Quan	-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
461	H19.151-250729-6476	29/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
462	H19.154-250729-1657	29/07/2025		UBND phường Tam Hiệp	-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
463	H19.154-250723-2048	29/07/2025		UBND phường Tam Hiệp	-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
464	H19.151-250729-0625	29/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
465	H19.169-250729-6490	29/07/2025		UBND xã An Viễn	-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
466	H19.151-250729-2982	29/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.000045.000.00.00.H19	Xác nhận bằng kê lâm sản.
467	H19.110-250729-0707	29/07/2025		UBND Phường Minh Hưng	-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận

468	H19.110-250729-0775	29/07/2025		UBND Phường Minh Hưng		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
469	H19.151-250729-6979	29/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
470	H19.154-250729-3771	29/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
471	H19.154-250729-8594	29/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
472	H19.165-250729-7761	29/07/2025	01/08/2025	UBND xã Long Phước		-1	4	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
473	H19.12-250728-7731	29/07/2025	05/08/2025	Sở Y tế tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.002600.000.00.00.H19	Cấp sổ tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước
474	H19.110-250729-2312	29/07/2025		UBND Phường Minh Hưng		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
475	H19.110-250729-2402	29/07/2025		UBND Phường Minh Hưng		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
476	H19.110-250729-0357	29/07/2025		UBND Phường Minh Hưng		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
477	H19.154-250729-5578	29/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
478	H19.151-250728-8487	29/07/2025	05/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
479	H19.154-250729-5357	29/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
480	H19.154-250729-5267	29/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
481	H19.110-250729-8179	29/07/2025		UBND Phường Minh Hưng		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
482	H19.9-250729-0006	29/07/2025		Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
483	H19.153-250729-1951	29/07/2025		UBND phường Trảng Bền		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hồ tịch, bản sao Giấy khai sinh
484	H19.7-250728-8692	29/07/2025		Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai		-1	1	2.000033.000.00.00.H19	Thông báo hoạt động khuyến mại
485	H19.151-250729-4800	29/07/2025	06/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất
486	H19.151-250729-3821	29/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
487	H19.151-250729-4692	29/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
488	H19.151-250729-2262	29/07/2025	05/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
489	H19.171-250729-2172	29/07/2025	01/08/2025	UBND xã Trảng Bom		-1	4	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
490	H19.151-250729-7195	29/07/2025	06/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất
491	H19.151-250729-1449	29/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
492	H19.151-250729-4606	29/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
493	H19.166-250729-7640	29/07/2025	15/08/2025	UBND xã Bình An		-1	4	1.001731.000.00.00.H19	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội
494	H19.151-250729-5426	29/07/2025	06/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất
495	H19.151-250729-2364	29/07/2025	05/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
496	H19.151-250728-8492	29/07/2025	06/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất
497	H19.151-250728-8040	29/07/2025	05/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012768.H19	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên
498	H19.204-250729-3573	29/07/2025	08/08/2025	UBND xã Trị An		-1	4	1.012796.H19	Định chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót
499	H19.151-250729-7270	29/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
500	H19.192-250729-6819	29/07/2025	05/08/2025	UBND xã Xuân Bắc		-1	4	1.001731.000.00.00.H19	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội
501	H19.151-250729-3583	29/07/2025	06/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất
502	H19.151-250729-1988	29/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
503	H19.159-250729-5319	29/07/2025	01/08/2025	UBND phường Phước Tân		-1	2	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
504	H19.206-250729-4193	29/07/2025	01/08/2025	UBND phường Tân Triều		-1	4	1.004859.000.00.00.H19	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hồ tịch, xác định lại dân tộc
505	H19.151-250729-3851	29/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
506	H19.110-250729-7320	29/07/2025		UBND Phường Minh Hưng		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
507	H19.192-250729-4854	29/07/2025		UBND xã Xuân Bắc		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hồ tịch, bản sao Giấy khai sinh
508	H19.171-250729-1298	29/07/2025		UBND xã Trảng Bom		-1	1	1.003930.000.00.00.H19	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện
509	H19.151-250729-3360	29/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
510	H19.151-250729-7853	29/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất

511	H19.151-250729-2662	29/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
512	H19.199-250729-3241	29/07/2025	01/08/2025	UBND xã Nam Cát Tiên		-1	4	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
513	H19.151-250729-1451	29/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
514	H19.200-250729-0470	29/07/2025		UBND xã Tân Phú		-1	1	1.000894.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký kết hôn
515	H19.151-250729-4421	29/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
516	H19.110-250729-1336	29/07/2025		UBND Phường Minh Hưng		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
517	H19.201-250729-1683	29/07/2025		UBND xã Phú Lâm		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hồ tịch, bản sao Giấy khai sinh
518	H19.154-250729-4987	29/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
519	H19.9-250729-0002	29/07/2025		Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
520	H19.151-250729-5020	29/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011442.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
521	H19.169-250729-7775	29/07/2025		UBND xã An Viễn		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
522	H19.151-250729-0758	29/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
523	H19.110-250729-8932	29/07/2025		UBND Phường Minh Hưng		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
524	H19.151-250729-1070	29/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
525	H19.151-250729-1178	29/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
526	H19.110-250729-2512	29/07/2025		UBND Phường Minh Hưng		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
527	H19.28.17-250729-6292	29/07/2025		UBND thị trấn Tân Phú		-1	1	1.001193.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký khai sinh
528	H19.110-250729-1098	29/07/2025		UBND Phường Minh Hưng		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
529	H19.110-250729-8833	29/07/2025		UBND Phường Minh Hưng		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
530	H19.110-250729-8743	29/07/2025		UBND Phường Minh Hưng		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
531	H19.110-250729-8756	29/07/2025		UBND Phường Minh Hưng		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
532	H19.155-250728-4733	29/07/2025	01/08/2025	UBND phường Long Bình		-1	2	1.001266.000.00.00.H19	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh
533	H19.154-250729-4900	29/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
534	H19.151-250728-8438	29/07/2025	05/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
535	H19.151-250729-6485	29/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
536	H19.9-250729-0009	29/07/2025		Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
537	H19.154-250729-9092	29/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
538	H19.151-250729-5316	29/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
539	H19.162-250729-8922	29/07/2025		UBND xã Nhơn Trạch		-1	1	1.001266.000.00.00.H19	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh
540	H19.151-250729-2026	29/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
541	H19.151-250729-5656	29/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
542	H19.110-250729-0064	29/07/2025		UBND Phường Minh Hưng		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
543	H19.110-250729-0128	29/07/2025		UBND Phường Minh Hưng		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
544	H19.151-250729-6017	29/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất

545	H19.151-250729-6286	29/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
546	H19.151-250729-6158	29/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
547	H19.154-250729-3836	29/07/2025		UBND phường Tam Hiệp	-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
548	H19.110-250729-5713	29/07/2025		UBND Phường Minh Hưng	-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
549	H19.151-250728-8155	28/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
550	H19.151-250724-7410	28/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.004237.000.00.00.H19	Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (cấp tỉnh)
551	H19.154-250728-1813	28/07/2025		UBND phường Tam Hiệp	-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
552	H19.154-250728-7594	28/07/2025		UBND phường Tam Hiệp	-1	1	1.001193.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký khai sinh
553	H19.154-250728-0282	28/07/2025		UBND phường Tam Hiệp	-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
554	H19.201-250728-5925	28/07/2025		UBND xã Phú Lâm	-1	1	1.001266.000.00.00.H19	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh
555	H19.162-250728-6421	28/07/2025	04/08/2025	UBND xã Nhơn Trạch	-1	4	1.000894.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký kết hôn
556	H19.160-250728-3023	28/07/2025		UBND phường Tam Phước	-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
557	H19.151-250728-7362	28/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
558	H19.206-250728-9111	28/07/2025		UBND phường Tân Triều	-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
559	H19.144-250728-4521	28/07/2025		UBND Xã Phước Sơn	-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
560	H19.151-250728-7843	28/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
561	H19.151-250728-8635	28/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
562	H19.154-250728-7158	28/07/2025		UBND phường Tam Hiệp	-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
563	H19.139-250728-4720	28/07/2025		UBND Phường Bình Phước	-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
564	H19.206-250728-1844	28/07/2025		UBND phường Tân Triều	-1	1	1.000894.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký kết hôn
565	H19.154-250728-5877	28/07/2025		UBND phường Tam Hiệp	-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
566	H19.169-250728-2696	28/07/2025		UBND xã An Viễn	-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
567	H19.151-250728-4145	28/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012768.H19	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giám định diện thửa đất đo sạt lở tự nhiên
568	H19.151-250728-5603	28/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
569	H19.9-250728-0004	28/07/2025		Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai	-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
570	H19.151-250728-0336	28/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
571	H19.151-250728-3909	28/07/2025	05/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	5	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
572	H19.151-250725-5340	28/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.004237.000.00.00.H19	Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (cấp tỉnh)
573	H19.151-250725-7290	28/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
574	H19.155-250724-8137	28/07/2025	31/07/2025	UBND phường Long Bình	-1	2	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
575	H19.153-250728-4898	28/07/2025	29/07/2025	UBND phường Trăn Biên	-1	4	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
576	H19.206-250728-9109	28/07/2025		UBND phường Tân Triều	-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
577	H19.151-250728-6992	28/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
578	H19.151-250728-7392	28/07/2025	07/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012790.H19	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp.
579	H19.151-250728-0432	28/07/2025	05/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
580	H19.151-250728-2645	28/07/2025	05/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
581	H19.124-250728-2772	28/07/2025		UBND Xã Lộc Quang	-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
582	H19.171-250725-7306	28/07/2025	31/07/2025	UBND xã Trảng Bom	-1	4	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
583	H19.151-250725-6422	28/07/2025	05/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
584	H19.151-250725-6667	28/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.004237.000.00.00.H19	Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (cấp tỉnh)
585	H19.151-250728-2550	28/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
586	H19.143-250728-4216	28/07/2025		UBND Xã Đồng Phú	-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh

587	H19.151-250728-3709	28/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
588	H19.151-250728-4909	28/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
589	H19.154-250728-8831	28/07/2025		UBND phường Tam Hiệp	-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
590	H19.151-250728-7912	28/07/2025	05/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
591	H19.153-250725-5517	28/07/2025	31/07/2025	UBND phường Trăn Biên	-1	2	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
592	H19.169-250728-0484	28/07/2025		UBND xã An Viễn	-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
593	H19.153-250728-2715	28/07/2025		UBND phường Trăn Biên	-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hồ tịch, bản sao Giấy khai sinh
594	H19.151-250728-4212	28/07/2025	05/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
595	H19.154-250728-6410	28/07/2025		UBND phường Tam Hiệp	-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
596	H19.154-250728-7887	28/07/2025		UBND phường Tam Hiệp	-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
597	H19.192-250728-4184	28/07/2025		UBND xã Xuân Bắc	-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hồ tịch, bản sao Giấy khai sinh
598	H19.151-250728-4267	28/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011442.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
599	H19.151-250728-1816	28/07/2025	05/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
600	H19.151-250728-1342	28/07/2025	05/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
601	H19.151-250728-2344	28/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
602	H19.151-250725-7059	28/07/2025	31/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	2	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
603	H19.151-250728-6989	28/07/2025	07/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012790.H19	Định chính Giấy chứng nhận đã cấp.
604	H19.143-250728-2512	28/07/2025		UBND Xã Đồng Phú	-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
605	H19.151-250728-1145	28/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
606	H19.151-250721-8966	28/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.004237.000.00.00.H19	Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (cấp tỉnh)
607	H19.160-250728-5860	28/07/2025		UBND phường Tam Phước	-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
608	H19.160-250728-2289	28/07/2025		UBND phường Tam Phước	-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
609	H19.160-250728-2018	28/07/2025		UBND phường Tam Phước	-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
610	H19.156-250728-4814	28/07/2025		UBND phường Trảng Dài	-1	1	1.001266.000.00.00.H19	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh
611	H19.192-250728-1364	28/07/2025		UBND xã Xuân Bắc	-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hồ tịch, bản sao Giấy khai sinh
612	H19.206-250728-6947	28/07/2025		UBND phường Tân Triều	-1	1	1.000894.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký kết hôn
613	H19.160-250728-0533	28/07/2025		UBND phường Tam Phước	-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
614	H19.160-250728-1069	28/07/2025		UBND phường Tam Phước	-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
615	H19.151-250728-5022	28/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
616	H19.182-250714-2080	28/07/2025	31/07/2025	UBND xã Xuân Quế	-1	2	1.004873.000.00.00.H19	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
617	H19.162-250728-9099	28/07/2025		UBND xã Nhơn Trạch	-1	1	1.001266.000.00.00.H19	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh
618	H19.206-250728-3328	28/07/2025		UBND phường Tân Triều	-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
619	H19.151-250728-5778	28/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
620	H19.151-250728-4495	28/07/2025	05/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
621	H19.151-250728-2762	28/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
622	H19.151-250728-3179	28/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
623	H19.154-250728-1617	28/07/2025		UBND phường Tam Hiệp	-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
624	H19.118-250728-2360	28/07/2025		UBND Phường An Lộc	-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
625	H19.162-250728-0354	28/07/2025	04/08/2025	UBND xã Nhơn Trạch	-1	4	1.000894.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký kết hôn
626	H19.151-250728-4863	28/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
627	H19.136-250725-2413	28/07/2025	31/07/2025	UBND Xã Phú Riềng	-1	4	1.004873.000.00.00.H19	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
628	H19.160-250728-1495	28/07/2025		UBND phường Tam Phước	-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
629	H19.151-250725-6824	28/07/2025	08/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
630	H19.143-250728-5717	28/07/2025		UBND Xã Đồng Phú	-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
631	H19.155-250724-8144	28/07/2025	31/07/2025	UBND phường Long Bình	-1	2	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh

632	H19.169-250728-3045	28/07/2025		UBND xã An Viễn		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
633	H19.151-250728-8156	28/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
634	H19.154-250727-0477	27/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
635	H19.164-250723-4217	27/07/2025		UBND xã Phước Thái		-1	1	1.003930.000.00.00.H19	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện
636	H19.206-250727-0346	27/07/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
637	H19.154-250727-0020	27/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hồ kinh doanh
638	H19.154-250727-0425	27/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hồ kinh doanh
639	H19.154-250721-4382	26/07/2025	31/07/2025	UBND phường Tam Hiệp		-1	2	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
640	H19.9-250726-0002	26/07/2025		Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
641	H19.172-250726-1565	26/07/2025		UBND xã Bầu Hàm		-1	1	1.004859.000.00.00.H19	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hồ tịch, xác định lai dân tộc
642	H19.153-250726-2414	26/07/2025		UBND phường Trăn Biên		-1	1	2.000575.000.00.00.H19	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hồ kinh doanh
643	H19.154-250726-1456	26/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
644	H19.153-250726-1682	26/07/2025	07/08/2025	UBND phường Trăn Biên		-1	4	1.012796.H19	Định chính Giấy chứng nhận đất cấp lần đầu có sai sót
645	H19.183-250726-0525	26/07/2025	31/07/2025	UBND xã Xuân Đường		-1	4	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
646	H19.151-250726-1323	26/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
647	H19.154-250726-2253	26/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hồ kinh doanh
648	H19.151-250726-0081	26/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
649	H19.110-250715-3764	26/07/2025	31/07/2025	UBND Phường Minh Hưng		-1	4	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
650	H19.151-250726-2231	26/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
651	H19.169-250726-0151	26/07/2025		UBND xã An Viễn		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
652	H19.151-250726-0500	26/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.004237.000.00.00.H19	Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (cấp tỉnh)
653	H19.171-250726-0666	26/07/2025		UBND xã Trảng Bom		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hồ tịch, bản sao Giấy khai sinh
654	H19.151-250726-0323	26/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
655	H19.168-250726-0574	26/07/2025		UBND xã An Phước		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
656	H19.154-250726-2269	26/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hồ kinh doanh
657	H19.151-250726-0115	26/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
658	H19.175-250726-0438	26/07/2025	05/08/2025	UBND xã Gia Kiệm		-1	4	1.004859.000.00.00.H19	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hồ tịch, xác định lai dân tộc
659	H19.157-250726-0781	26/07/2025	04/08/2025	UBND phường Hồ Nai		-1	4	1.000894.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký kết hôn
660	H19.151-250725-6736	26/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.004237.000.00.00.H19	Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (cấp tỉnh)
661	H19.3-250726-0237	26/07/2025		Sở Nội vụ		-1	1	2.000134.000.00.00.H19	Khai báo với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội địa phương khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động
662	H19.168-250725-7494	26/07/2025	31/07/2025	UBND xã An Phước		-1	4	1.004873.000.00.00.H19	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
663	H19.169-250726-1769	26/07/2025		UBND xã An Viễn		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
664	H19.200-250726-0370	26/07/2025	31/07/2025	UBND xã Tân Phú		-1	4	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
665	H19.162-250726-1297	26/07/2025	04/08/2025	UBND xã Nhơn Trach		-1	4	1.000894.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký kết hôn
666	H19.155-250725-7519	26/07/2025		UBND phường Long Bình		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
667	H19.201-250726-2197	26/07/2025		UBND xã Phú Lâm		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hồ tịch, bản sao Giấy khai sinh
668	H19.172-250726-0349	26/07/2025		UBND xã Bầu Hàm		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
669	H19.154-250726-2219	26/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hồ kinh doanh
670	H19.151-250726-1824	26/07/2025	05/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
671	H19.152-250726-2406	26/07/2025		UBND phường Biên Hòa		-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hồ kinh doanh
672	H19.152-250726-2399	26/07/2025		UBND phường Biên Hòa		-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hồ kinh doanh
673	H19.160-250726-1143	26/07/2025		UBND phường Tam Phước		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
674	H19.157-250726-0524	26/07/2025		UBND phường Hồ Nai		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
675	H19.151-250726-0830	26/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
676	H19.158-250726-0761	26/07/2025	29/07/2025	UBND phường Long Hưng		-1	2	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hồ tịch, bản sao Giấy khai sinh
677	H19.3-250726-0396	26/07/2025		Sở Nội vụ		-1	1	2.000134.000.00.00.H19	Khai báo với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội địa phương khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động
678	H19.206-250726-0971	26/07/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
679	H19.151-250725-6910	25/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất

680	H19.151-250725-6889	25/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
681	H19.155-250722-9697	25/07/2025	30/07/2025	UBND phường Long Bình		-1	2	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
682	H19.182-250725-0013	25/07/2025		UBND xã Xuân Quế		-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
683	H19.114-250725-3120	25/07/2025		UBND Xã Tân Hưng		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
684	H19.12-250724-5203	25/07/2025	01/08/2025	Sở Y tế tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012275.000.00.00.H19	Đăng ký hành nghề
685	H19.148-250725-2013	25/07/2025	30/07/2025	UBND Xã Đak Nhau		-1	4	1.004873.000.00.00.H19	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
686	H19.200-250725-5745	25/07/2025		UBND xã Tân Phú		-1	1	1.001193.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký khai sinh
687	H19.152-250725-5936	25/07/2025		UBND phường Biên Hòa		-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
688	H19.3-250724-6920	25/07/2025	01/08/2025	Sở Nội vụ		-1	4	2.000205.000.00.00.H19	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam
689	H19.206-250725-1419	25/07/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh
690	H19.172-250725-0648	25/07/2025	01/08/2025	UBND xã Bầu Hàm		-1	4	1.000894.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký kết hôn
691	H19.143-250724-8151	25/07/2025	30/07/2025	UBND Xã Đồng Phú		-1	4	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
692	H19.151-250725-0824	25/07/2025	08/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
693	H19.172-250725-1496	25/07/2025		UBND xã Bầu Hàm		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
694	H19.118-250725-1847	25/07/2025	28/07/2025	UBND Phường An Lộc		-1	4	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh
695	H19.151-250725-1911	25/07/2025	30/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
696	H19.136-250725-3154	25/07/2025	30/07/2025	UBND Xã Phú Riêng		-1	4	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
697	H19.9-250725-0017	25/07/2025		Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
698	H19.151-250725-4604	25/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
699	H19.151-250725-2309	25/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
700	H19.151-250725-6113	25/07/2025	30/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
701	H19.151-250725-6304	25/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012768.H19	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giám diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên
702	H19.154-250725-7628	25/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
703	H19.151-250725-2053	25/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
704	H19.151-250725-2849	25/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
705	H19.151-250722-4331	25/07/2025	08/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012787.H19	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản
706	H19.151-250722-4343	25/07/2025	08/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012787.H19	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản
707	H19.151-250725-0758	25/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
708	H19.151-250725-2302	25/07/2025	08/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
709	H19.12-250724-5393	25/07/2025	01/08/2025	Sở Y tế tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012275.000.00.00.H19	Đăng ký hành nghề
710	H19.187-250725-5682	25/07/2025	28/07/2025	UBND xã Xuân Định		-1	4	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh
711	H19.151-250725-3075	25/07/2025	08/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
712	H19.143-250725-0959	25/07/2025	30/07/2025	UBND Xã Đồng Phú		-1	4	1.001266.000.00.00.H19	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh
713	H19.119-250725-1774	25/07/2025		UBND Xã Lộc Thành		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh
714	H19.197-250725-5853	25/07/2025	01/08/2025	UBND xã Phú Hòa		-1	4	1.000894.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký kết hôn
715	H19.151-250725-3092	25/07/2025	30/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
716	H19.151-250725-3051	25/07/2025	30/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.011442.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
717	H19.164-250725-2056	25/07/2025		UBND xã Phước Thái		-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
718	H19.13-250725-5086	25/07/2025		Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.004650.000.00.00.H19	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, bảng-rôn
719	H19.189-250725-0530	25/07/2025	30/07/2025	UBND xã Xuân Lộc		-1	4	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
720	H19.206-250725-3111	25/07/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
721	H19.164-250725-2441	25/07/2025		UBND xã Phước Thái		-1	1	1.001266.000.00.00.H19	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh
722	H19.173-250725-2708	25/07/2025	01/08/2025	UBND xã Hưng Thịnh		-1	4	1.000894.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký kết hôn
723	H19.154-250710-0940	25/07/2025	30/07/2025	UBND phường Tam Hiệp		-1	2	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
724	H19.153-250712-0442	25/07/2025	30/07/2025	UBND phường Trần Biên		-1	2	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh

725	H19.169-250725-5244	25/07/2025		UBND xã An Viễn		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cá và trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
726	H19.162-250725-5130	25/07/2025	28/07/2025	UBND xã Nhơn Trạch		-1	2	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh
727	H19.183-250725-2988	25/07/2025	30/07/2025	UBND xã Xuân Đường		-1	4	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
728	H19.151-250725-0760	25/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
729	H19.151-250725-6284	25/07/2025	08/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
730	H19.151-250725-2927	25/07/2025	30/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
731	H19.200-250725-6936	25/07/2025		UBND xã Tân Phú		-1	1	1.001193.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký khai sinh
732	H19.151-250725-2858	25/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
733	H19.151-250725-3284	25/07/2025	30/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
734	H19.12-250724-7721	25/07/2025	01/08/2025	Sở Y tế tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012275.000.00.00.H19	Đăng ký hành nghề
735	H19.12-250724-7656	25/07/2025	01/08/2025	Sở Y tế tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012275.000.00.00.H19	Đăng ký hành nghề
736	H19.143-250725-6493	25/07/2025	30/07/2025	UBND Xã Đồng Phú		-1	4	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
737	H19.151-250725-5054	25/07/2025	30/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
738	H19.148-250724-7685	25/07/2025	30/07/2025	UBND Xã Đak Nhou		-1	4	1.004873.000.00.00.H19	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
739	H19.12-250725-0789	25/07/2025	01/08/2025	Sở Y tế tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012275.000.00.00.H19	Đăng ký hành nghề
740	H19.7-250629-0510	25/07/2025	19/08/2025	Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai	19/08/2025	25	2	1.003438.H19	Thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu các mặt hàng có ảnh hưởng trực tiếp đến quốc phòng, an ninh (nhưng không thuộc phạm vi mục đích quốc phòng, an ninh)
741	H19.151-250725-4013	25/07/2025	30/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
742	H19.151-250725-4000	25/07/2025	30/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
743	H19.151-250725-3974	25/07/2025	30/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
744	H19.151-250725-4021	25/07/2025	30/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
745	H19.151-250725-3964	25/07/2025	30/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
746	H19.151-250725-4509	25/07/2025	30/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
747	H19.183-250725-0366	25/07/2025	30/07/2025	UBND xã Xuân Đường		-1	4	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
748	H19.110-250723-7430	25/07/2025	30/07/2025	UBND Phường Minh Hưng		-1	4	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
749	H19.154-250725-4605	25/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
750	H19.151-250725-4924	25/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
751	H19.154-250725-7589	25/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
752	H19.154-250724-4349	25/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
753	H19.153-250707-4515	25/07/2025	01/08/2025	UBND phường Trần Biên		-1	2	1.004884.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký lại khai sinh
754	H19.151-250724-7931	25/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
755	H19.12-250724-5602	25/07/2025	01/08/2025	Sở Y tế tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012275.000.00.00.H19	Đăng ký hành nghề
756	H19.151-250725-1830	25/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
757	H19.151-250724-7617	25/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
758	H19.151-250725-1966	25/07/2025	08/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
759	H19.151-250725-2193	25/07/2025	08/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
760	H19.151-250714-7138	25/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
761	H19.151-250724-3923	25/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
762	H19.154-250725-7049	25/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
763	H19.192-250722-3802	25/07/2025	01/08/2025	UBND xã Xuân Bắc		-1	4	2.000806.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài
764	H19.151-250725-1097	25/07/2025	08/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
765	H19.151-250725-1401	25/07/2025	08/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
766	H19.151-250725-0383	25/07/2025	08/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
767	H19.154-250725-7232	25/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
768	H19.151-250725-1527	25/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
769	H19.151-250725-1466	25/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
770	H19.151-250725-1403	25/07/2025	30/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
771	H19.151-250725-1503	25/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
772	H19.151-250725-1364	25/07/2025	30/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
773	H19.168-250723-1347	25/07/2025	30/07/2025	UBND xã An Phước		-1	4	1.001266.000.00.00.H19	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh
774	H19.13-250725-5686	25/07/2025		Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.004650.000.00.00.H19	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, bảng-rôn

775	H19.196-250725-1111	25/07/2025	12/08/2025	UBND xã Phú Vinh		-1	4	2.000554.000.00.00.H19	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài
776	H19.12-250725-1430	25/07/2025	01/08/2025	Sở Y tế tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012275.000.00.00.H19	Đăng ký hành nghề
777	H19.151-250725-1953	25/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
778	H19.154-250725-3890	25/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
779	H19.190-250725-3671	25/07/2025	30/07/2025	UBND xã Xuân Hòa		-1	2	1.004873.000.00.00.H19	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
780	H19.9-250725-0022	25/07/2025		Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
781	H19.162-250725-4480	25/07/2025	30/07/2025	UBND xã Nhơn Trạch		-1	4	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
782	H19.12-250725-2876	25/07/2025	01/08/2025	Sở Y tế tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012275.000.00.00.H19	Đăng ký hành nghề
783	H19.3-250725-3686	25/07/2025	01/08/2025	Sở Nội vụ		-1	4	1.000459.000.00.00.H19	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động
784	H19.151-250725-0749	25/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
785	H19.151-250725-5806	25/07/2025	08/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
786	H19.151-250725-3902	25/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
787	H19.200-250725-5057	25/07/2025	30/07/2025	UBND xã Tân Phú		-1	4	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
788	H19.151-250724-7848	25/07/2025	30/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
789	H19.151-250724-7864	25/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012768.H19	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên
790	H19.151-250725-0721	25/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
791	H19.175-250721-6678	25/07/2025	04/08/2025	UBND xã Gia Kiêm		-1	4	1.004859.000.00.00.H19	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc
792	H19.152-250725-2393	25/07/2025		UBND phường Biên Hòa		-1	1	1.004859.000.00.00.H19	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc
793	H19.13-250723-5463	25/07/2025	04/08/2025	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch tỉnh Đồng Nai		-1	4	2.001628.000.00.00.H19	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa
794	H19.154-250725-7658	25/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
795	H19.162-250725-2185	25/07/2025	04/08/2025	UBND xã Nhơn Trạch		-1	4	1.004859.000.00.00.H19	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc
796	H19.154-250725-6253	25/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	1.001266.000.00.00.H19	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh
797	H19.154-250725-6378	25/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
798	H19.122-250725-1628	25/07/2025	30/07/2025	UBND Xã Lộc Tấn		-1	2	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
799	H19.151-250725-1612	25/07/2025	08/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
800	H19.154-250725-6523	25/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
801	H19.154-250725-6340	25/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
802	H19.162-250725-4144	25/07/2025	01/08/2025	UBND xã Nhơn Trạch		-1	4	1.000894.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký kết hôn
803	H19.151-250725-2763	25/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
804	H19.151-250725-3420	25/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012768.H19	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên
805	H19.151-250725-3388	25/07/2025	06/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012790.H19	Định chính Giấy chứng nhận đã cấp.
806	H19.182-250725-0011	25/07/2025		UBND xã Xuân Quế		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
807	H19.151-250725-1458	25/07/2025	08/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
808	H19.151-250724-7640	25/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
809	H19.151-250725-0816	25/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
810	H19.151-250725-4719	25/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
811	H19.151-250725-3820	25/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
812	H19.176-250725-2270	25/07/2025	04/08/2025	UBND xã Thông Nhứt		-1	4	1.004859.000.00.00.H19	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc
813	H19.154-250725-2026	25/07/2025	06/08/2025	UBND phường Tam Hiệp		-1	4	1.012796.H19	Định chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót
814	H19.151-250725-1411	25/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
815	H19.184-250725-1849	25/07/2025		UBND xã Cẩm Mỹ		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
816	H19.151-250723-6758	25/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
817	H19.151-250725-1645	25/07/2025	08/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
818	H19.151-250724-7910	25/07/2025	30/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
819	H19.151-250724-7918	25/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012768.H19	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên
820	H19.151-250725-4722	25/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
821	H19.12-250724-3447	25/07/2025	01/08/2025	Sở Y tế tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012275.000.00.00.H19	Đăng ký hành nghề
822	H19.151-250725-2303	25/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.004237.000.00.00.H19	Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (cấp tỉnh)
823	H19.151-250724-3563	25/07/2025	06/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012790.H19	Định chính Giấy chứng nhận đã cấp.
824	H19.151-250724-3858	25/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.

825	H19.151-250725-3549	25/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
826	H19.151-250724-4010	25/07/2025	08/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	2	1.012787.H19	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản
827	H19.154-250725-4356	25/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
828	H19.154-250712-1494	25/07/2025	30/07/2025	UBND phường Tam Hiệp		-1	4	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
829	H19.151-250725-6097	25/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
830	H19.154-250725-6845	25/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
831	H19.151-250724-3794	25/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
832	H19.151-250725-3307	25/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
833	H19.151-250725-2342	25/07/2025	30/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
834	H19.151-250725-2922	25/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
835	H19.151-250725-6411	25/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
836	H19.160-250724-4197	25/07/2025	30/07/2025	UBND phường Tam Phước		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
837	H19.154-250711-0883	25/07/2025	30/07/2025	UBND phường Tam Hiệp		-1	2	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hồ kinh doanh
838	H19.114-250724-5653	25/07/2025		UBND Xã Tân Hưng		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
839	H19.171-250725-3835	25/07/2025		UBND xã Trảng Bom		-1	1	1.004859.000.00.00.H19	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc
840	H19.151-250725-5702	25/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
841	H19.153-250712-0001	25/07/2025	30/07/2025	UBND phường Trăn Biên		-1	2	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
842	H19.151-250725-7297	25/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
843	H19.151-250725-3878	25/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
844	H19.3-250725-1793	25/07/2025	05/08/2025	Sở Nội vụ		-1	4	2.001955.000.00.00.H19	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp
845	H19.154-250725-7657	25/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
846	H19.165-250725-5019	25/07/2025	01/08/2025	UBND xã Long Phước		-1	4	1.000894.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký kết hôn
847	H19.148-250724-7752	25/07/2025	30/07/2025	UBND Xã Đak Nhau		-1	4	1.004873.000.00.00.H19	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
848	H19.151-250725-0083	25/07/2025	28/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
849	H19.153-250711-2620	25/07/2025	30/07/2025	UBND phường Trăn Biên		-1	2	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
850	H19.140-250725-3754	25/07/2025	30/07/2025	UBND Xã Thuận Lợi		-1	4	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
851	H19.200-250725-5212	25/07/2025	30/07/2025	UBND xã Tân Phú		-1	4	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
852	H19.151-250725-2882	25/07/2025	06/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012790.H19	Định chính Giấy chứng nhận đất cấp.
853	H19.182-250725-0014	25/07/2025		UBND xã Xuân Quế		-1	1	1.001266.000.00.00.H19	Chấm dứt hoạt động hồ kinh doanh
854	H19.169-250725-1783	25/07/2025		UBND xã An Viễn		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
855	H19.154-250712-1474	25/07/2025	30/07/2025	UBND phường Tam Hiệp		-1	4	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
856	H19.20-250725-4173	25/07/2025	04/08/2025	Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu Kinh tế tỉnh Đ		-1	4	1.009760.000.00.00.H19	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý
857	H19.151-250725-6154	25/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
858	H19.189-250725-2311	25/07/2025	30/07/2025	UBND xã Xuân Lộc		-1	4	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hồ kinh doanh
859	H19.161-250725-6506	25/07/2025		UBND xã Đại Phước		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh
860	H19.151-250725-3329	25/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
861	H19.151-250725-5465	25/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
862	H19.168-250723-4332	25/07/2025	30/07/2025	UBND xã An Phước		-1	4	1.001570.000.00.00.H19	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hồ kinh doanh
863	H19.151-250725-2195	25/07/2025	30/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
864	H19.180-250724-2910	24/07/2025	08/08/2025	UBND phường Long Khánh		-1	4	1.008455.000.00.00.H19	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã
865	H19.163-250724-6002	24/07/2025	05/08/2025	UBND xã Phước An		-1	4	1.012796.H19	Định chính Giấy chứng nhận đất cấp lần đầu có sai sót
866	H19.180-250724-3731	24/07/2025	08/08/2025	UBND phường Long Khánh		-1	4	1.008455.000.00.00.H19	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã
867	H19.154-250710-4548	24/07/2025	29/07/2025	UBND phường Tam Hiệp		-1	4	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
868	H19.154-250724-7896	24/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
869	H19.155-250718-7859	24/07/2025	29/07/2025	UBND phường Long Bình		-1	2	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
870	H19.151-250724-7112	24/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
871	H19.151-250724-0925	24/07/2025	07/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
872	H19.154-250710-4360	24/07/2025	29/07/2025	UBND phường Tam Hiệp		-1	4	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
873	H19.189-250723-7605	24/07/2025	29/07/2025	UBND xã Xuân Lộc		-1	4	1.001266.000.00.00.H19	Chấm dứt hoạt động hồ kinh doanh
874	H19.151-250724-5005	24/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
875	H19.151-250724-4797	24/07/2025	31/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	2	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
876	H19.151-250724-6214	24/07/2025	29/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất

877	H19.151-250724-7022	24/07/2025	07/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
878	H19.151-250724-7355	24/07/2025	07/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
879	H19.177-250724-5277	24/07/2025	08/08/2025	UBND phường Bình Lộc	-1	4	1.008455.000.00.00.H19	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã
880	H19.156-250711-4985	24/07/2025	29/07/2025	UBND phường Trảng Dài	-1	2	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
881	H19.156-250711-4971	24/07/2025	29/07/2025	UBND phường Trảng Dài	-1	2	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
882	H19.206-250724-5662	24/07/2025		UBND phường Tân Triều	-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hồ tịch, bản sao Giấy khai sinh
883	H19.151-250724-1527	24/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
884	H19.154-250710-4648	24/07/2025	29/07/2025	UBND phường Tam Hiệp	-1	4	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
885	H19.154-250712-1417	24/07/2025	29/07/2025	UBND phường Tam Hiệp	-1	4	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
886	H19.154-250712-1451	24/07/2025	29/07/2025	UBND phường Tam Hiệp	-1	4	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
887	H19.165-250724-6768	24/07/2025	08/08/2025	UBND xã Long Phước	-1	4	1.008455.000.00.00.H19	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã
888	H19.151-250724-7169	24/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
889	H19.206-250724-8068	24/07/2025		UBND phường Tân Triều	-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
890	H19.151-250724-3055	24/07/2025	29/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
891	H19.20-250723-7877	24/07/2025	08/08/2025	Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu Kinh tế tỉnh Đ	-1	4	1.009756.000.00.00.H19	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư (BQL)
892	H19.166-250724-5435	24/07/2025	08/08/2025	UBND xã Bình An	-1	4	1.008455.000.00.00.H19	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã
893	H19.154-250724-6658	24/07/2025		UBND phường Tam Hiệp	-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
894	H19.151-250724-0781	24/07/2025	07/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
895	H19.155-250724-3084	24/07/2025		UBND phường Long Bình	-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hồ kinh doanh
896	H19.9-250724-0008	24/07/2025		Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai	-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
897	H19.151-250724-5609	24/07/2025	31/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
898	H19.151-250724-6657	24/07/2025	29/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
899	H19.151-250723-6562	24/07/2025	07/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
900	H19.151-250724-2055	24/07/2025	31/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
901	H19.151-250724-7183	24/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
902	H19.151-250724-4864	24/07/2025	07/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
903	H19.154-250724-7531	24/07/2025		UBND phường Tam Hiệp	-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
904	H19.151-250724-4702	24/07/2025	31/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
905	H19.151-250724-3566	24/07/2025	29/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
906	H19.154-250712-1389	24/07/2025	29/07/2025	UBND phường Tam Hiệp	-1	4	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
907	H19.151-250724-5067	24/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
908	H19.151-250724-3306	24/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
909	H19.151-250724-3781	24/07/2025	29/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
910	H19.155-250724-1451	24/07/2025		UBND phường Long Bình	-1	1	1.001731.000.00.00.H19	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội
911	H19.171-250722-7678	24/07/2025	31/07/2025	UBND xã Trảng Bom	-1	4	1.000894.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký kết hôn
912	H19.151-250724-1725	24/07/2025	29/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
913	H19.154-250710-4307	24/07/2025	29/07/2025	UBND phường Tam Hiệp	-1	4	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
914	H19.151-250724-5589	24/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
915	H19.154-250710-4426	24/07/2025	29/07/2025	UBND phường Tam Hiệp	-1	4	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
916	H19.188-250724-6255	24/07/2025		UBND xã Xuân Phú	-1	1	1.000894.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký kết hôn
917	H19.173-250724-1903	24/07/2025	31/07/2025	UBND xã Hưng Thịnh	-1	4	1.000894.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký kết hôn
918	H19.175-250724-1727	24/07/2025	01/08/2025	UBND xã Gia Kiệm	-1	4	1.004859.000.00.00.H19	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc
919	H19.154-250724-3217	24/07/2025		UBND phường Tam Hiệp	-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hồ kinh doanh
920	H19.151-250724-0129	24/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
921	H19.151-250724-0639	24/07/2025	07/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
922	H19.152-250724-3237	24/07/2025		UBND phường Biên Hòa	-1	1	1.004859.000.00.00.H19	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc
923	H19.151-250724-0920	24/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
924	H19.160-250724-6346	24/07/2025		UBND phường Tam Phước	-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
925	H19.194-250723-7955	24/07/2025		UBND xã Đình Quán	-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh
926	H19.151-250724-4876	24/07/2025	31/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
927	H19.160-250724-8256	24/07/2025		UBND phường Tam Phước	-1	1	1.000894.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký kết hôn

928	H19.151-250724-0277	24/07/2025	07/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
929	H19.151-250723-7829	24/07/2025	05/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012790.H19	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp.
930	H19.156-250711-4995	24/07/2025	29/07/2025	UBND phường Trảng Dài		-1	2	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
931	H19.155-250721-1441	24/07/2025	29/07/2025	UBND phường Long Bình		-1	2	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
932	H19.7-250713-0174	24/07/2025	25/08/2025	Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai	25/08/2025	22	10	2.001293.H19	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh thực phẩm do Bộ Công Thương thực hiện
933	H19.7-250713-0172	24/07/2025	08/09/2025	Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai	08/09/2025	30	10	2.001278.H19	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh sản phẩm thực phẩm
934	H19.7-250630-0178	24/07/2025	15/08/2025	Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai	15/08/2025	16	10	2.001585.H19	Cấp điều chỉnh giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1
935	H19.7-250630-0172	24/07/2025	15/08/2025	Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai	15/08/2025	16	10	1.004031.H19	Cấp điều chỉnh giấy phép sản xuất hóa chất bảng 2, hóa chất bảng 3
936	H19.7-250630-0204	24/07/2025	15/08/2025	Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai	15/08/2025	16	10	1.003820.H19	Cấp giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1
937	H19.7-250630-0179	24/07/2025	08/09/2025	Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai	08/09/2025	30	10	2.000431.H19	Cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1
938	H19.7-250630-0192	24/07/2025	15/08/2025	Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai	15/08/2025	16	10	1.003724.H19	Cấp giấy phép sản xuất hóa chất bảng 2, bảng 3
939	H19.154-250711-4980	24/07/2025	29/07/2025	UBND phường Tam Hiệp		-1	4	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
940	H19.154-250711-2536	24/07/2025	29/07/2025	UBND phường Tam Hiệp		-1	4	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
941	H19.9-250724-0010	24/07/2025		Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
942	H19.188-250724-5868	24/07/2025	29/07/2025	UBND xã Xuân Phú		-1	4	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
943	H19.146-250724-5777	24/07/2025	29/07/2025	UBND Xã Bù Đăng		-1	4	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
944	H19.188-250724-1557	24/07/2025	29/07/2025	UBND xã Xuân Phú		-1	4	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
945	H19.156-250711-4954	24/07/2025	29/07/2025	UBND phường Trảng Dài		-1	2	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
946	H19.148-250724-4809	24/07/2025	29/07/2025	UBND Xã Đak Nhau		-1	4	1.004873.000.00.00.H19	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
947	H19.154-250711-4818	24/07/2025	29/07/2025	UBND phường Tam Hiệp		-1	4	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
948	H19.151-250724-3651	24/07/2025	07/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
949	H19.171-250724-3580	24/07/2025	29/07/2025	UBND xã Trảng Bom		-1	4	1.004873.000.00.00.H19	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
950	H19.154-250710-4506	24/07/2025	29/07/2025	UBND phường Tam Hiệp		-1	4	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
951	H19.139-250724-4734	24/07/2025	05/08/2025	UBND Phường Bình Phước		-1	4	1.000689.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con
952	H19.143-250723-1828	24/07/2025	29/07/2025	UBND Xã Đồng Phú		-1	4	1.005280.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất
953	H19.200-250724-6785	24/07/2025	29/07/2025	UBND xã Tân Phú		-1	4	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hồ kinh doanh
954	H19.151-250724-4447	24/07/2025	29/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
955	H19.189-250724-3267	24/07/2025	01/08/2025	UBND xã Xuân Lộc		-1	4	1.004859.000.00.00.H19	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc
956	H19.177-250723-6680	24/07/2025	31/07/2025	UBND phường Bình Lộc		-1	4	1.000894.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký kết hôn
957	H19.154-250724-6960	24/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
958	H19.155-250724-6212	24/07/2025		UBND phường Long Bình		-1	1	1.001266.000.00.00.H19	Chấm dứt hoạt động hồ kinh doanh
959	H19.168-250724-5745	24/07/2025		UBND xã An Phước		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
960	H19.189-250724-1763	24/07/2025	08/08/2025	UBND xã Xuân Lộc		-1	4	1.008455.000.00.00.H19	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã
961	H19.182-250724-2772	24/07/2025	29/07/2025	UBND xã Xuân Quế		-1	2	1.004873.000.00.00.H19	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
962	H19.151-250724-4614	24/07/2025	07/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
963	H19.189-250724-4336	24/07/2025		UBND xã Xuân Lộc		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh
964	H19.151-250724-3168	24/07/2025	29/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
965	H19.160-250715-7670	24/07/2025		UBND phường Tam Phước		-1	1	1.000894.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký kết hôn
966	H19.151-250724-7185	24/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thừa hoặc hợp thừa đất.
967	H19.188-250724-7370	24/07/2025		UBND xã Xuân Phú		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
968	H19.154-250724-0886	24/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
969	H19.161-250724-4481	24/07/2025	05/08/2025	UBND xã Đại Phước		-1	4	1.012796.H19	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót
970	H19.151-250724-4248	24/07/2025	07/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.008603.000.00.00.H19	Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải
971	H19.154-250711-4796	24/07/2025	29/07/2025	UBND phường Tam Hiệp		-1	4	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
972	H19.115-250724-7121	24/07/2025		UBND Xã Tân Khai		-1	1	2.000575.000.00.00.H19	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hồ kinh doanh
973	H19.151-250724-3891	24/07/2025	07/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012786.H19	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất
974	H19.9-250724-0011	24/07/2025		Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
975	H19.151-250724-4444	24/07/2025	07/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
976	H19.151-250723-5317	24/07/2025	29/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
977	H19.151-250724-0577	24/07/2025	07/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
978	H19.3-250724-1717	24/07/2025	29/07/2025	Sở Nội vụ		-1	4	2.000192.000.00.00.H19	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam

979	H19.172-250724-4602	24/07/2025	29/07/2025	UBND xã Bàu Hàm	-1	4	1.004873.000.00.00.H19	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
980	H19.175-250724-1921	24/07/2025	31/07/2025	UBND xã Gia Kiêm	-1	4	1.000894.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký kết hôn
981	H19.151-250724-5754	24/07/2025	07/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
982	H19.151-250724-2665	24/07/2025	31/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
983	H19.151-250724-4749	24/07/2025	31/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
984	H19.151-250724-4726	24/07/2025	31/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
985	H19.153-250724-3364	24/07/2025		UBND phường Trăn Biên	-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hồ tịch, bản sao Giấy khai sinh
986	H19.200-250724-6588	24/07/2025	29/07/2025	UBND xã Tân Phú	-1	4	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
987	H19.111-250724-0582	24/07/2025		UBND Phường Chơn Thành	-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
988	H19.183-250724-5759	24/07/2025	29/07/2025	UBND xã Xuân Đường	-1	4	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
989	H19.154-250710-4280	24/07/2025	29/07/2025	UBND phường Tam Hiệp	-1	4	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
990	H19.152-250724-6717	24/07/2025		UBND phường Biên Hòa	-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
991	H19.192-250724-6565	24/07/2025		UBND xã Xuân Bắc	-1	1	2.001035.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở
992	H19.167-250724-2926	24/07/2025	08/08/2025	UBND xã Long Thành	-1	4	1.008455.000.00.00.H19	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã
993	H19.3-250724-0670	24/07/2025		Sở Nội vụ	-1	1	1.000105.000.00.00.H19	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài
994	H19.189-250724-2098	24/07/2025		UBND xã Xuân Lộc	-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
995	H19.173-250724-2934	24/07/2025		UBND xã Hưng Thịnh	-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
996	H19.9-250724-0006	24/07/2025		Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai	-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
997	H19.151-250724-1895	24/07/2025	29/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
998	H19.160-250724-6669	24/07/2025		UBND phường Tam Phước	-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
999	H19.154-250724-1950	24/07/2025		UBND phường Tam Hiệp	-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
1000	H19.156-250724-6687	24/07/2025		UBND phường Trảng Dài	-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
1001	H19.183-250724-5922	24/07/2025	29/07/2025	UBND xã Xuân Đường	-1	4	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
1002	H19.151-250724-0860	24/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1003	H19.9-250724-0005	24/07/2025		Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai	-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
1004	H19.9-250724-0002	24/07/2025		Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai	-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
1005	H19.143-250724-3964	24/07/2025	29/07/2025	UBND Xã Đồng Phú	-1	4	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
1006	H19.151-250724-1482	24/07/2025	31/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012768.H19	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên
1007	H19.151-250724-1405	24/07/2025	31/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012768.H19	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên
1008	H19.151-250724-1327	24/07/2025	31/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012768.H19	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên
1009	H19.151-250724-1440	24/07/2025	31/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012768.H19	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên
1010	H19.154-250710-4459	24/07/2025	29/07/2025	UBND phường Tam Hiệp	-1	4	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
1011	H19.206-250724-3223	24/07/2025		UBND phường Tân Triều	-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hồ tịch, bản sao Giấy khai sinh
1012	H19.151-250724-4692	24/07/2025	29/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1013	H19.154-250724-0602	24/07/2025		UBND phường Tam Hiệp	-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
1014	H19.154-250711-2579	24/07/2025	29/07/2025	UBND phường Tam Hiệp	-1	4	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
1015	H19.151-250724-7196	24/07/2025	07/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1016	H19.9-250724-0012	24/07/2025		Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai	-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)

1017	H19.128-250724-1088	24/07/2025	25/07/2025	UBND Xã Bù Gia Mập		-1	1	1.000894.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký kết hôn
1018	H19.152-250724-3489	24/07/2025		UBND phường Biển Hòa		-1	1	1.005277.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập
1019	H19.183-250724-6155	24/07/2025	29/07/2025	UBND xã Xuân Đường		-1	4	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
1020	H19.20-250724-1639	24/07/2025	03/08/2025	Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu Kinh tế tỉnh Đ		-1	4	1.009760.000.00.00.H19	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý
1021	H19.15-250723-7429	24/07/2025	03/08/2025	Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.009647.000.00.00.H19	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh
1022	H19.155-250721-1886	24/07/2025	29/07/2025	UBND phường Long Bình		-1	2	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
1023	H19.167-250724-2274	24/07/2025	08/08/2025	UBND xã Long Thành		-1	4	1.008455.000.00.00.H19	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã
1024	H19.20-250724-1260	24/07/2025	03/08/2025	Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu Kinh tế tỉnh Đ		-1	4	1.009760.000.00.00.H19	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý
1025	H19.206-250724-5212	24/07/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
1026	H19.151-250724-6348	24/07/2025	29/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1027	H19.151-250723-7637	24/07/2025	25/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	2	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1028	H19.162-250724-3653	24/07/2025		UBND xã Nhơn Trạch		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
1029	H19.3-250723-3169	23/07/2025	08/08/2025	Sở Nội vụ		-1	4	1.010827.000.00.00.H19	Di chuyển hồ sơ khi người hưởng trợ cấp ưu đãi thay đổi nơi thường trú
1030	H19.151-250723-2669	23/07/2025	31/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
1031	H19.162-250723-1122	23/07/2025	01/08/2025	UBND xã Nhơn Trạch		-1	4	2.000181.000.00.00.H19	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá
1032	H19.20-250723-5891	23/07/2025	02/08/2025	Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu Kinh tế tỉnh Đ		-1	4	1.009760.000.00.00.H19	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý
1033	H19.200-250723-3988	23/07/2025	28/07/2025	UBND xã Tân Phú		-1	4	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
1034	H19.151-250722-6213	23/07/2025	06/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1035	H19.176-250722-8070	23/07/2025	06/08/2025	UBND xã Thông Nhứt		-1	4	2.000806.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài
1036	H19.154-250723-5680	23/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
1037	H19.151-250722-6382	23/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012790.H19	Định chính Giấy chứng nhận đã cấp.
1038	H19.151-250723-2254	23/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1039	H19.151-250723-3688	23/07/2025	06/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1040	H19.154-250723-2072	23/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	2.000913.000.00.00.H19	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch
1041	H19.180-250723-1981	23/07/2025	07/08/2025	UBND phường Long Khánh		-1	4	1.008455.000.00.00.H19	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã
1042	H19.151-250722-1385	23/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012787.H19	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản
1043	H19.151-250722-1234	23/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012787.H19	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản
1044	H19.151-250722-1115	23/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012787.H19	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản
1045	H19.151-250722-1474	23/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012787.H19	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản
1046	H19.187-250722-8604	23/07/2025		UBND xã Xuân Định		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
1047	H19.151-250723-6229	23/07/2025	06/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1048	H19.155-250717-4262	23/07/2025	28/07/2025	UBND phường Long Bình		-1	2	1.001266.000.00.00.H19	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh
1049	H19.152-250723-1128	23/07/2025		UBND phường Biển Hòa		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
1050	H19.151-250723-3928	23/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1051	H19.151-250723-5677	23/07/2025	06/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012786.H19	Cấp lại Giấy chứng nhận đo bị mất
1052	H19.9-250723-0003	23/07/2025		Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
1053	H19.151-250723-0237	23/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1054	H19.151-250723-3815	23/07/2025	06/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012786.H19	Cấp lại Giấy chứng nhận đo bị mất
1055	H19.9-250722-0021	23/07/2025		Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hồ tịch, bản sao Giấy khai sinh
1056	H19.168-250722-8837	23/07/2025	30/07/2025	UBND xã An Phước		-1	4	1.000894.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký kết hôn

1057	H19.167-250723-6149	23/07/2025	01/08/2025	UBND xã Long Thành		-1	4	2.000181.000.00.00.H19	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá
1058	H19.151-250723-3234	23/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1059	H19.9-250723-0010	23/07/2025		Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
1060	H19.151-250723-1315	23/07/2025	31/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
1061	H19.167-250722-7932	23/07/2025	07/08/2025	UBND xã Long Thành		-1	4	1.008455.000.00.00.H19	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã
1062	H19.171-250722-8768	23/07/2025	30/07/2025	UBND xã Trảng Bom		-1	4	1.000894.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký kết hôn
1063	H19.151-250723-6209	23/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1064	H19.151-250723-1095	23/07/2025	06/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	5	1.012785.H19	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định
1065	H19.153-250723-8111	23/07/2025		UBND phường Trăn Biên		-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
1066	H19.151-250723-1549	23/07/2025	30/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1067	H19.188-250723-7660	23/07/2025		UBND xã Xuân Phú		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
1068	H19.208-250723-3307	23/07/2025		Ban Quản lý Khu kinh tế		-1	1	1.009756.000.00.00.H19	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư (BQL)
1069	H19.151-250723-4885	23/07/2025	06/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.008603.000.00.00.H19	Kê khai, thẩm định tờ khai phi báo vệ môi trường đối với nước thải
1070	H19.151-250723-5005	23/07/2025	06/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.008603.000.00.00.H19	Kê khai, thẩm định tờ khai phi báo vệ môi trường đối với nước thải
1071	H19.151-250723-6571	23/07/2025	06/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012785.H19	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định
1072	H19.151-250723-4351	23/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1073	H19.167-250723-6760	23/07/2025		UBND xã Long Thành		-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
1074	H19.151-250723-7149	23/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1075	H19.180-250723-2783	23/07/2025	07/08/2025	UBND phường Long Khánh		-1	4	1.008455.000.00.00.H19	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã
1076	H19.154-250723-3536	23/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
1077	H19.154-250723-2273	23/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
1078	H19.180-250723-4494	23/07/2025	07/08/2025	UBND phường Long Khánh		-1	4	1.008455.000.00.00.H19	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã
1079	H19.7-250723-5061	23/07/2025	06/08/2025	Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai		-1	4	2.000190.000.00.00.H19	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá
1080	H19.180-250723-0526	23/07/2025	07/08/2025	UBND phường Long Khánh		-1	4	1.008455.000.00.00.H19	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã
1081	H19.151-250723-4806	23/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1082	H19.151-250723-4729	23/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1083	H19.20-250723-6068	23/07/2025	02/08/2025	Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu Kinh tế tỉnh Đ		-1	4	1.009760.000.00.00.H19	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý
1084	H19.154-250723-7870	23/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
1085	H19.20-250723-4482	23/07/2025	02/08/2025	Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu Kinh tế tỉnh Đ		-1	4	1.009760.000.00.00.H19	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý
1086	H19.160-250723-4859	23/07/2025		UBND phường Tam Phước		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
1087	H19.206-250722-8213	23/07/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh
1088	H19.189-250723-3941	23/07/2025	28/07/2025	UBND xã Xuân Lộc		-1	4	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
1089	H19.154-250723-1753	23/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
1090	H19.164-250723-8082	23/07/2025		UBND xã Phước Thái		-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
1091	H19.180-250723-3964	23/07/2025	07/08/2025	UBND phường Long Khánh		-1	4	1.008455.000.00.00.H19	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã
1092	H19.151-250723-7852	23/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1093	H19.180-250723-1475	23/07/2025	07/08/2025	UBND phường Long Khánh		-1	4	1.008455.000.00.00.H19	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã
1094	H19.151-250723-3792	23/07/2025	06/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	5	1.012785.H19	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định
1095	H19.151-250722-8160	23/07/2025	06/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	6	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1096	H19.151-250723-0248	23/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1097	H19.151-250722-8763	23/07/2025	30/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.002373.H19	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký)

1098	H19.153-250723-5481	23/07/2025		UBND phường Trần Biên		-1	1	1.004859.000.00.00.H19	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hồ tịch, xác định lại dân tộc
1099	H19.151-250723-5378	23/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1100	H19.151-250723-5969	23/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1101	H19.151-250723-1199	23/07/2025	30/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012768.H19	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi tên thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên
1102	H19.171-250722-8201	23/07/2025	28/07/2025	UBND xã Trảng Bom		-1	4	1.004873.000.00.00.H19	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
1103	H19.151-250723-3292	23/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1104	H19.180-250723-4464	23/07/2025	07/08/2025	UBND phường Long Khánh		-1	4	1.008455.000.00.00.H19	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã
1105	H19.151-250723-1117	23/07/2025	30/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1106	H19.180-250722-8190	23/07/2025	07/08/2025	UBND phường Long Khánh		-1	4	1.008455.000.00.00.H19	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã
1107	H19.151-250723-6376	23/07/2025	06/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1108	H19.167-250723-6401	23/07/2025	07/08/2025	UBND xã Long Thành		-1	4	1.008455.000.00.00.H19	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã
1109	H19.151-250723-7173	23/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1110	H19.155-250717-3239	23/07/2025	28/07/2025	UBND phường Long Bình		-1	2	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
1111	H19.155-250717-7359	23/07/2025	28/07/2025	UBND phường Long Bình		-1	2	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hồ kinh doanh
1112	H19.151-250723-4925	23/07/2025	18/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.007931.000.00.00.H19	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón
1113	H19.189-250723-1103	23/07/2025	28/07/2025	UBND xã Xuân Lộc		-1	4	1.001266.000.00.00.H19	Chấm dứt hoạt động hồ kinh doanh
1114	H19.180-250723-0028	23/07/2025	07/08/2025	UBND phường Long Khánh		-1	4	1.008455.000.00.00.H19	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã
1115	H19.151-250722-8807	23/07/2025	06/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1116	H19.155-250723-8093	23/07/2025		UBND phường Long Bình		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
1117	H19.151-250723-3923	23/07/2025	06/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012785.H19	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định
1118	H19.156-250723-5021	23/07/2025		UBND phường Trảng Dài		-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hồ kinh doanh
1119	H19.151-250723-5975	23/07/2025	06/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012786.H19	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất
1120	H19.153-250723-5814	23/07/2025		UBND phường Trần Biên		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
1121	H19.151-250723-0058	23/07/2025	06/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1122	H19.152-250723-1656	23/07/2025		UBND phường Biên Hòa		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
1123	H19.151-250723-6342	23/07/2025	30/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1124	H19.151-250723-0071	23/07/2025	06/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1125	H19.177-250723-5039	23/07/2025	07/08/2025	UBND phường Bình Lộc		-1	4	1.008455.000.00.00.H19	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã
1126	H19.151-250722-8794	23/07/2025	06/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1127	H19.151-250723-4783	23/07/2025	06/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1128	H19.14-250721-7662	23/07/2025	25/08/2025	Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.001296.000.00.00.H19	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới
1129	H19.151-250723-3359	23/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1130	H19.151-250723-6008	23/07/2025	31/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
1131	H19.153-250721-6247	23/07/2025	24/07/2025	UBND phường Trần Biên		-1	2	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
1132	H19.154-250723-8172	23/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hồ kinh doanh
1133	H19.177-250723-0944	23/07/2025	07/08/2025	UBND phường Bình Lộc		-1	4	1.008455.000.00.00.H19	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã
1134	H19.151-250723-0049	23/07/2025	06/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1135	H19.154-250723-4954	23/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hồ kinh doanh
1136	H19.151-250722-6515	23/07/2025	06/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1137	H19.151-250723-2284	23/07/2025	06/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1138	H19.151-250723-1933	23/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1139	H19.151-250723-1531	23/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất

1140	H19.151-250627-0929	23/07/2025	06/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012765.H19	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng
1141	H19.180-250723-0660	23/07/2025	07/08/2025	UBND phường Long Khánh	-1	4	1.008455.000.00.00.H19	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã
1142	H19.180-250722-7921	23/07/2025	07/08/2025	UBND phường Long Khánh	-1	4	1.008455.000.00.00.H19	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã
1143	H19.151-250723-4038	23/07/2025	30/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012768.H19	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên
1144	H19.180-250723-6573	23/07/2025	07/08/2025	UBND phường Long Khánh	-1	4	1.008455.000.00.00.H19	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã
1145	H19.153-250723-5739	23/07/2025		UBND phường Trần Biên	-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh
1146	H19.3-250722-6873	23/07/2025	30/07/2025	Sở Nội vụ	-1	4	1.009811.000.00.00.H19	Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (cấp Tỉnh)
1147	H19.151-250723-5999	23/07/2025	06/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	5	1.012781.H19	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với Giấy chứng nhận đã cấp
1148	H19.151-250723-2911	23/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1149	H19.180-250723-2529	23/07/2025	07/08/2025	UBND phường Long Khánh	-1	1	1.008455.000.00.00.H19	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã
1150	H19.189-250723-5656	23/07/2025	28/07/2025	UBND xã Xuân Lộc	-1	4	1.001266.000.00.00.H19	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh
1151	H19.180-250723-1885	23/07/2025	07/08/2025	UBND phường Long Khánh	-1	4	1.008455.000.00.00.H19	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã
1152	H19.151-250723-4928	23/07/2025	30/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012768.H19	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên
1153	H19.151-250723-2393	23/07/2025	06/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1154	H19.189-250723-7933	23/07/2025		UBND xã Xuân Lộc	-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh
1155	H19.177-250722-5060	23/07/2025	28/07/2025	UBND phường Bình Lộc	-1	4	1.001266.000.00.00.H19	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh
1156	H19.167-250723-6568	23/07/2025	07/08/2025	UBND xã Long Thành	-1	4	1.008455.000.00.00.H19	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã
1157	H19.167-250723-4329	23/07/2025	07/08/2025	UBND xã Long Thành	-1	4	1.008455.000.00.00.H19	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã
1158	H19.167-250723-2256	23/07/2025	07/08/2025	UBND xã Long Thành	-1	4	1.008455.000.00.00.H19	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã
1159	H19.156-250723-5008	23/07/2025		UBND phường Trảng Dài	-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
1160	H19.180-250723-4049	23/07/2025	07/08/2025	UBND phường Long Khánh	-1	4	1.008455.000.00.00.H19	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã
1161	H19.9-250723-0002	23/07/2025		Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai	-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
1162	H19.200-250722-5772	23/07/2025	28/07/2025	UBND xã Tân Phú	-1	4	1.001022.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con
1163	H19.200-250722-5722	23/07/2025	28/07/2025	UBND xã Tân Phú	-1	4	1.001022.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con
1164	H19.15-250722-8583	23/07/2025		Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.009647.000.00.00.H19	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh
1165	H19.15-250723-0076	23/07/2025	02/08/2025	Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.009647.000.00.00.H19	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh
1166	H19.118-250722-8146	23/07/2025		UBND Phường An Lộc	-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
1167	H19.152-250723-5491	23/07/2025		UBND phường Biên Hòa	-1	1	1.004859.000.00.00.H19	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc
1168	H19.139-250723-2056	23/07/2025	07/08/2025	UBND Phường Bình Phước	-1	4	1.008455.000.00.00.H19	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã
1169	H19.151-250722-1269	23/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012787.H19	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản
1170	H19.208-250722-2376	22/07/2025		Ban Quản lý Khu kinh tế	-1	1	1.009756.000.00.00.H19	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư (BQL)
1171	H19.208-250722-2180	22/07/2025		Ban Quản lý Khu kinh tế	-1	1	1.009756.000.00.00.H19	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư (BQL)
1172	H19.131-250722-3377	22/07/2025		UBND Xã Đa Kia	-1	1	1.001193.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký khai sinh
1173	H19.151-250722-2284	22/07/2025	05/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012781.H19	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với Giấy chứng nhận đã cấp
1174	H19.151-250722-6507	22/07/2025	05/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1175	H19.151-250722-7613	22/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất

1176	H19.9-250722-0003	22/07/2025		Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
1177	H19.206-250722-1650	22/07/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
1178	H19.136-250722-4618	22/07/2025	23/07/2025	UBND Xã Phú Riềng		-1	2	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
1179	H19.151-250722-4402	22/07/2025	07/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
1180	H19.9-250722-0010	22/07/2025		Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
1181	H19.151-250722-5514	22/07/2025	05/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1182	H19.153-250722-1890	22/07/2025		UBND phường Trần Biên		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hồ tịch, bản sao Giấy khai sinh
1183	H19.9-250722-0017	22/07/2025		Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
1184	H19.151-250722-6170	22/07/2025	05/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1185	H19.151-250722-2317	22/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1186	H19.151-250722-6289	22/07/2025	05/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1187	H19.192-250722-4353	22/07/2025		UBND xã Xuân Bắc		-1	1	1.000894.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký kết hôn
1188	H19.151-250722-5047	22/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1189	H19.151-250722-4725	22/07/2025	05/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1190	H19.151-250722-1022	22/07/2025	30/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
1191	H19.151-250718-6132	22/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1192	H19.151-250722-7300	22/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1193	H19.120-250721-2379	22/07/2025	29/07/2025	UBND Xã Lộc Ninh		-1	4	1.000894.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký kết hôn
1194	H19.151-250722-2063	22/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1195	H19.206-250722-0512	22/07/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	1.000894.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký kết hôn
1196	H19.151-250722-4836	22/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1197	H19.151-250722-4732	22/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1198	H19.151-250721-9117	22/07/2025	05/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1199	H19.206-250722-2753	22/07/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	1.003930.000.00.00.H19	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện
1200	H19.151-250721-4350	22/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012790.H19	Định chính Giấy chứng nhận đã cấp.
1201	H19.151-250722-2608	22/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1202	H19.151-250722-2675	22/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1203	H19.151-250722-3242	22/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1204	H19.154-250722-2706	22/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
1205	H19.151-250721-8767	22/07/2025	05/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	6	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1206	H19.151-250722-6982	22/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012790.H19	Định chính Giấy chứng nhận đã cấp.
1207	H19.151-250722-3269	22/07/2025	30/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
1208	H19.151-250722-4525	22/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011442.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1209	H19.206-250722-4877	22/07/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
1210	H19.151-250722-2694	22/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1211	H19.151-250722-4589	22/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011442.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1212	H19.151-250722-5619	22/07/2025	30/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
1213	H19.174-250721-3881	22/07/2025	01/08/2025	UBND xã Dầu Giây		-1	4	1.012796.H19	Định chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót
1214	H19.151-250722-6083	22/07/2025	29/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1215	H19.151-250722-2498	22/07/2025	30/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
1216	H19.151-250722-4371	22/07/2025	30/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
1217	H19.151-250722-5209	22/07/2025	30/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
1218	H19.151-250722-1491	22/07/2025	30/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
1219	H19.151-250722-1894	22/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1220	H19.151-250722-1206	22/07/2025	30/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.

1221	H19.151-250722-1688	22/07/2025	05/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1222	H19.151-250722-5024	22/07/2025	05/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1223	H19.151-250722-5873	22/07/2025	05/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1224	H19.151-250722-1987	22/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1225	H19.151-250722-2788	22/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1226	H19.151-250721-8209	22/07/2025	29/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.004237.000.00.00.H19	Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (cấp tỉnh)
1227	H19.151-250722-6336	22/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1228	H19.151-250722-0910	22/07/2025	29/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1229	H19.167-250722-6941	22/07/2025	06/08/2025	UBND xã Long Thành		-1	4	1.008455.000.00.00.H19	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã
1230	H19.151-250722-6389	22/07/2025	05/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	5	1.012781.H19	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với Giấy chứng nhận đã cấp
1231	H19.151-250722-6996	22/07/2025	05/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012786.H19	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất
1232	H19.151-250722-1210	22/07/2025	05/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1233	H19.151-250722-7204	22/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1234	H19.154-250722-5000	22/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
1235	H19.154-250722-1762	22/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
1236	H19.151-250722-3470	22/07/2025	05/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1237	H19.189-250722-1384	22/07/2025		UBND xã Xuân Lộc		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hồ tịch, bản sao Giấy khai sinh
1238	H19.200-250722-2134	22/07/2025		UBND xã Tân Phú		-1	1	1.000894.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký kết hôn
1239	H19.157-250722-8564	22/07/2025		UBND phường Hồ Nai		-1	1	2.000575.000.00.00.H19	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hồ kinh doanh
1240	H19.151-250722-3900	22/07/2025	05/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012785.H19	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định
1241	H19.206-250722-7798	22/07/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
1242	H19.151-250722-5149	22/07/2025	05/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1243	H19.3-250721-7243	22/07/2025	29/07/2025	Sở Nội vụ		-1	4	1.009811.000.00.00.H19	Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (cấp Tỉnh).
1244	H19.206-250722-2690	22/07/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	1.001193.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký khai sinh
1245	H19.146-250721-8610	22/07/2025		UBND Xã Bù Đăng		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
1246	H19.151-250722-2701	22/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1247	H19.151-250721-8506	22/07/2025	05/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1248	H19.151-250722-4300	22/07/2025	05/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1249	H19.5-250721-5991	22/07/2025	05/08/2025	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai		-1	2	2.002382.000.00.00.H19	Thủ tục sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế
1250	H19.151-250722-6310	22/07/2025	05/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1251	H19.20-250721-8733	22/07/2025	01/08/2025	Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu Kinh tế tỉnh Đ		-1	4	1.009760.000.00.00.H19	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý
1252	H19.196-250722-2270	22/07/2025		UBND xã Phú Vinh		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
1253	H19.151-250722-6566	22/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012790.H19	Định chính Giấy chứng nhận đã cấp.
1254	H19.189-250722-8599	22/07/2025		UBND xã Xuân Lộc		-1	1	1.000656.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký khai tử
1255	H19.151-250722-3625	22/07/2025	07/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
1256	H19.151-250722-1008	22/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1257	H19.167-250722-3735	22/07/2025	06/08/2025	UBND xã Long Thành		-1	4	1.008455.000.00.00.H19	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã
1258	H19.9-250722-0019	22/07/2025		Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
1259	H19.180-250722-4399	22/07/2025		UBND phường Long Khánh		-1	1	1.001193.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký khai sinh
1260	H19.24-250530-3192	22/07/2025		UBND huyện Cẩm Mỹ - tỉnh Đồng Nai		-1	1	2.001283.000.00.00.H19	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện của hàng bán lẻ LPG chai
1261	H19.151-250722-0656	22/07/2025	05/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.008603.000.00.00.H19	Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải

1262	H19.162-250722-7335	22/07/2025	29/07/2025	UBND xã Nhơn Trach	-1	4	1.000894.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký kết hôn
1263	H19.151-250722-1280	22/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012790.H19	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp.
1264	H19.151-250722-1239	22/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012790.H19	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp.
1265	H19.151-250722-1343	22/07/2025	05/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1266	H19.154-250722-2586	22/07/2025		UBND phường Tam Hiệp	-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
1267	H19.151-250722-8334	22/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1268	H19.3-250722-4036	22/07/2025		Sở Nội vụ	-1	1	1.000105.000.00.00.H19	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài
1269	H19.153-250721-1051	21/07/2025		UBND phường Trăn Biên	-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hồ tịch, bản sao Giấy khai sinh
1270	H19.151-250721-7460	21/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1271	H19.151-250719-1891	21/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.008603.000.00.00.H19	Kê khai, thẩm định tờ khai phi bảo vệ môi trường đối với nước thải
1272	H19.151-250721-0843	21/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1273	H19.151-250721-4598	21/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1274	H19.206-250721-9113	21/07/2025		UBND phường Tân Triều	-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
1275	H19.151-250721-3893	21/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1276	H19.151-250721-1798	21/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1277	H19.153-250719-1219	21/07/2025	29/07/2025	UBND phường Trăn Biên	-1	2	2.000615.000.00.00.H19	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu
1278	H19.151-250721-2189	21/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1279	H19.151-250721-6081	21/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1280	H19.151-250721-1498	21/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1281	H19.151-250721-1349	21/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1282	H19.151-250721-4360	21/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1283	H19.151-250721-4297	21/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1284	H19.152-250721-0176	21/07/2025		UBND phường Biên Hòa	-1	1	1.001653.000.00.00.H19	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật
1285	H19.151-250721-6582	21/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1286	H19.151-250721-1022	21/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1287	H19.151-250721-4025	21/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1288	H19.151-250721-3720	21/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1289	H19.151-250721-8664	21/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1290	H19.157-250721-8773	21/07/2025		UBND phường Hố Nai	-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
1291	H19.151-250721-6139	21/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1292	H19.3-250718-1527	21/07/2025	28/07/2025	Sở Nội vụ	-1	4	2.000205.000.00.00.H19	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam
1293	H19.189-250721-0836	21/07/2025		UBND xã Xuân Lộc	-1	1	1.001193.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký khai sinh
1294	H19.151-250721-7834	21/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1295	H19.151-250721-6894	21/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1296	H19.196-250721-3221	21/07/2025	28/07/2025	UBND xã Phú Vinh	-1	4	1.000894.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký kết hôn
1297	H19.196-250721-1637	21/07/2025		UBND xã Phú Vinh	-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
1298	H19.3-250715-6296	21/07/2025	04/08/2025	Sở Nội vụ	-1	4	1.010829.000.00.00.H19	Di chuyển hải cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ di nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ
1299	H19.151-250721-4568	21/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1300	H19.151-250721-6662	21/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1301	H19.151-250721-6499	21/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1302	H19.154-250721-8806	21/07/2025		UBND phường Tam Hiệp	-1	1	1.001266.000.00.00.H19	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh
1303	H19.151-250718-7518	21/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1304	H19.151-250721-1593	21/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1305	H19.151-250721-5855	21/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1306	H19.151-250721-7495	21/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1307	H19.151-250721-2025	21/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	5	1.012781.H19	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với Giấy chứng nhận đã cấp
1308	H19.177-250721-4058	21/07/2025	05/08/2025	UBND phường Bình Lộc	-1	4	1.008455.000.00.00.H19	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã
1309	H19.151-250721-4072	21/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1310	H19.151-250721-1121	21/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.

1311	H19.206-250721-5272	21/07/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
1312	H19.151-250721-5251	21/07/2025	28/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	6	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
1313	H19.151-250721-4256	21/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1314	H19.151-250721-6080	21/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1315	H19.206-250721-5323	21/07/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
1316	H19.182-250721-1528	21/07/2025	24/07/2025	UBND xã Xuân Quế		-1	2	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
1317	H19.151-250721-4096	21/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1318	H19.151-250721-7064	21/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1319	H19.177-250721-3100	21/07/2025	05/08/2025	UBND phường Bình Lộc		-1	4	1.008455.000.00.00.H19	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã
1320	H19.154-250721-9173	21/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
1321	H19.156-250721-9135	21/07/2025		UBND phường Trảng Dài		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
1322	H19.151-250721-7123	21/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1323	H19.151-250721-5040	21/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	5	1.012781.H19	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với Giấy chứng nhận đã cấp
1324	H19.151-250721-2280	21/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1325	H19.154-250721-8886	21/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
1326	H19.151-250719-1873	21/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012787.H19	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản
1327	H19.15-250719-1738	21/07/2025	31/07/2025	Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.009647.000.00.00.H19	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh
1328	H19.151-250721-0527	21/07/2025	28/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1329	H19.154-250721-8857	21/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	1.001266.000.00.00.H19	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh
1330	H19.151-250721-4335	21/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1331	H19.151-250721-0222	21/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	5	1.012781.H19	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với Giấy chứng nhận đã cấp
1332	H19.206-250721-5137	21/07/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
1333	H19.151-250721-5619	21/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1334	H19.151-250721-6718	21/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1335	H19.151-250719-1836	21/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012787.H19	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản
1336	H19.151-250721-0732	21/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1337	H19.151-250721-0835	21/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1338	H19.151-250721-7320	21/07/2025	29/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
1339	H19.151-250721-7396	21/07/2025	29/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
1340	H19.151-250721-7511	21/07/2025	29/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
1341	H19.151-250721-7457	21/07/2025	29/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
1342	H19.156-250721-5099	21/07/2025		UBND phường Trảng Dài		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
1343	H19.151-250721-2486	21/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	5	1.012781.H19	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với Giấy chứng nhận đã cấp
1344	H19.151-250721-5230	21/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	5	1.012785.H19	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định
1345	H19.28-250721-4805	21/07/2025		UBND huyện Tân Phú - tỉnh Đồng Nai		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh
1346	H19.151-250721-2179	21/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1347	H19.151-250720-0086	21/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1348	H19.151-250721-3215	21/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1349	H19.151-250721-4891	21/07/2025	31/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012790.H19	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp.
1350	H19.151-250721-4851	21/07/2025	31/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012790.H19	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp.
1351	H19.151-250721-7068	21/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011442.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1352	H19.151-250721-7331	21/07/2025	28/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	6	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
1353	H19.154-250721-9087	21/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	1.001266.000.00.00.H19	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh
1354	H19.154-250721-9055	21/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	1.001266.000.00.00.H19	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh
1355	H19.151-250721-6857	21/07/2025	28/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	6	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1356	H19.206-250721-7235	21/07/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
1357	H19.151-250721-5022	21/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1358	H19.151-250720-0144	21/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012787.H19	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản

1359	H19.151-250719-1468	21/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012787.H19	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản
1360	H19.151-250721-6561	21/07/2025	31/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012790.H19	Đinh chính Giấy chứng nhận đã cấp.
1361	H19.151-250721-6625	21/07/2025	31/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012790.H19	Đinh chính Giấy chứng nhận đã cấp.
1362	H19.159-250721-6261	21/07/2025		UBND phường Phước Tân	-1	1	1.000656.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký khai tử
1363	H19.151-250721-7200	21/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1364	H19.151-250721-7106	21/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1365	H19.151-250720-0254	21/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012787.H19	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản
1366	H19.22.24-250721-1394	21/07/2025		UBND phường Long Bình	-1	1	1.000656.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký khai tử
1367	H19.22.24-250721-0492	21/07/2025		UBND phường Long Bình	-1	1	1.000656.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký khai tử
1368	H19.151-250721-2407	21/07/2025	28/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1369	H19.151-250721-0984	21/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1370	H19.153-250721-1146	21/07/2025		UBND phường Trảng Bền	-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hồ tịch, bản sao Giấy khai sinh
1371	H19.154-250720-0013	20/07/2025		UBND phường Tam Hiệp	-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
1372	H19.14-250720-0122	20/07/2025		Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.002847.H19	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách có định giữa Việt Nam và Lào
1373	H19.14-250720-0130	20/07/2025		Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai	-1	1	2.001034.000.00.00.H19	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại A, B, C, E, F, G cho phương tiện của Việt Nam
1374	H19.14-250720-0132	20/07/2025		Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.002817.000.00.00.H19	Cấp Giấy phép liên vận GMS hoặc số TAD
1375	H19.14-250720-0124	20/07/2025		Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.001725.H19	Cấp đổi chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ
1376	H19.3-250719-1266	20/07/2025	28/07/2025	Sở Nội vụ	-1	4	1.009811.000.00.00.H19	Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (cấp Tinh).
1377	H19.14-250720-0123	20/07/2025		Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.001666.H19	Chấp thuận cơ sở kinh doanh đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ
1378	H19.14-250720-0128	20/07/2025		Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.010702.H19	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN
1379	H19.14-250720-0126	20/07/2025		Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.002829.H19	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS
1380	H19.14-250720-0127	20/07/2025		Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.000302.H19	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia
1381	H19.206-250720-0498	20/07/2025		UBND phường Tân Triều	-1	1	2.000529.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài
1382	H19.14-250720-0129	20/07/2025		Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.010704.H19	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận ASEAN
1383	H19.151-250719-0145	19/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1384	H19.154-250719-1822	19/07/2025		UBND phường Tam Hiệp	-1	1	1.001266.000.00.00.H19	Chấm dứt hoạt động hồ kinh doanh
1385	H19.151-250718-7908	19/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1386	H19.151-250719-1008	19/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	2	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1387	H19.151-250718-4670	19/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1388	H19.22.46-250719-0918	19/07/2025	22/07/2025	UBND phường Tam Phước	-1	2	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
1389	H19.151-250718-7898	19/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1390	H19.151-250719-1036	19/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	2	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1391	H19.151-250719-1015	19/07/2025	28/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012768.H19	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sát lộ tự nhiên
1392	H19.151-250718-4739	19/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1393	H19.151-250719-1077	19/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1394	H19.151-250719-0759	19/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1395	H19.151-250719-0986	19/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	2	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1396	H19.151-250719-1438	19/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1397	H19.151-250719-1058	19/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1398	H19.151-250719-1495	19/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1399	H19.151-250719-1124	19/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1400	H19.151-250719-1102	19/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	2	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1401	H19.151-250719-0272	19/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1402	H19.151-250719-0144	19/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	5	1.012781.H19	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với Giấy chứng nhận đã cấp

1403	H19.151-250719-1011	19/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1404	H19.154-250719-2007	19/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
1405	H19.162-250719-0370	19/07/2025	03/08/2025	UBND xã Nhơn Trạch		-1	4	1.008455.000.00.00.H19	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã
1406	H19.151-250719-1539	19/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1407	H19.151-250719-0523	19/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	5	1.012785.H19	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định
1408	H19.151-250719-1243	19/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012786.H19	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất
1409	H19.153-250719-1649	19/07/2025	31/07/2025	UBND phường Trảng Bền		-1	4	1.012796.H19	Định chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót
1410	H19.151-250718-5777	19/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1411	H19.154-250719-0294	19/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	1.001266.000.00.00.H19	Chấm dứt hoạt động hồ kinh doanh
1412	H19.151-250718-5287	19/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1413	H19.151-250719-0157	19/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1414	H19.9-250719-0001	19/07/2025		Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho các trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
1415	H19.151-250719-0902	19/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1416	H19.151-250719-0964	19/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1417	H19.151-250719-0273	19/07/2025	29/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
1418	H19.201-250718-1124	18/07/2025		UBND xã Phú Lâm		-1	1	1.000045.000.00.00.H19	Xác nhận bằng kê lâm sản.
1419	H19.167-250718-4933	18/07/2025	01/08/2025	UBND xã Long Thành		-1	4	2.000806.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài
1420	H19.151-250718-7304	18/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	5	1.012785.H19	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định
1421	H19.151-250718-7252	18/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	5	1.012785.H19	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định
1422	H19.9-250718-0009	18/07/2025		Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
1423	H19.151-250718-6038	18/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1424	H19.151-250718-5763	18/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1425	H19.151-250718-3288	18/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1426	H19.153-250718-4150	18/07/2025		UBND phường Trảng Bền		-1	1	1.005378.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
1427	H19.151-250718-2939	18/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1428	H19.151-250718-7134	18/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	6	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1429	H19.151-250718-5098	18/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1430	H19.151-250717-7094	18/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1431	H19.151-250718-1833	18/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1432	H19.151-250717-7413	18/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1433	H19.151-250718-1083	18/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1434	H19.151-250718-5677	18/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1435	H19.151-250718-3934	18/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1436	H19.151-250718-0113	18/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1437	H19.151-250718-0126	18/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1438	H19.151-250718-2079	18/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1439	H19.151-250718-2930	18/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1440	H19.151-250718-0670	18/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1441	H19.153-250718-5899	18/07/2025	30/07/2025	UBND phường Trảng Bền		-1	4	1.012796.H19	Định chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót
1442	H19.206-250718-0843	18/07/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hồ kinh doanh
1443	000.00.15.H19-250718-0018	18/07/2025	20/07/2025	Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai		-1	1	2.002206	Thủ tục đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách
1444	000.00.15.H19-250718-0022	18/07/2025	20/07/2025	Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai		-1	1	2.002206	Thủ tục đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách

1445	H19.20-250717-6825	18/07/2025	02/08/2025	Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu Kinh tế tỉnh Đ	-1	4	1.009756.000.00.00.H19	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư (BQL)
1446	H19.151-250718-2082	18/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1447	H19.151-250718-1967	18/07/2025	28/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
1448	H19.151-250718-6004	18/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1449	H19.151-250718-5927	18/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1450	H19.151-250718-0233	18/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	5	1.012781.H19	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với Giấy chứng nhận đã cấp
1451	H19.151-250718-7545	18/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1452	H19.151-250718-3208	18/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1453	H19.151-250718-7192	18/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1454	H19.151-250718-0086	18/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1455	H19.151-250718-0097	18/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1456	H19.151-250718-6222	18/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1457	H19.151-250718-2786	18/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1458	H19.151-250718-2604	18/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1459	H19.171-250717-5930	18/07/2025	01/08/2025	UBND xã Trảng Bom	-1	4	2.000806.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài
1460	H19.151-250717-6943	18/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1461	H19.151-250717-6929	18/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1462	H19.151-250718-0234	18/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1463	H19.176-250718-7172	18/07/2025		UBND xã Thống Nhất	-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
1464	H19.151-250718-2908	18/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1465	H19.151-250718-0104	18/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1466	H19.22.39-250718-6685	18/07/2025		UBND phường Trảng Dài	-1	1	1.000894.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký kết hôn
1467	H19.9-250718-0006	18/07/2025		Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai	-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
1468	H19.9-250718-0007	18/07/2025		Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai	-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
1469	H19.3-250718-4479	18/07/2025		Sở Nội vụ	-1	1	1.000105.000.00.00.H19	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài
1470	H19.151-250718-0676	18/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1471	H19.110-250718-5714	18/07/2025		UBND Phường Minh Hưng	-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
1472	H19.151-250718-3589	18/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1473	H19.151-250718-3503	18/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1474	H19.206-250718-5450	18/07/2025		UBND phường Tân Triều	-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
1475	H19.151-250718-4449	18/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1476	H19.151-250718-0332	18/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1477	H19.196-250718-5971	18/07/2025		UBND xã Phú Vinh	-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
1478	H19.163-250718-4013	18/07/2025	02/08/2025	UBND xã Phước An	-1	4	1.008455.000.00.00.H19	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã
1479	H19.151-250718-0789	18/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1480	H19.151-250718-1575	18/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1481	H19.153-250718-4406	18/07/2025		UBND phường Trăn Biên	-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
1482	H19.151-250718-2631	18/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1483	H19.195-250718-0835	18/07/2025	23/07/2025	UBND xã Thanh Sơn	-1	4	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
1484	H19.151-250718-4407	18/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	6	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1485	H19.151-250718-1887	18/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1486	H19.151-250718-3654	18/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1487	H19.151-250718-3492	18/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất

1488	H19.151-250718-1028	18/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1489	H19.151-250718-5669	18/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1490	H19.9-250718-0002	18/07/2025		Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
1491	H19.9-250718-0003	18/07/2025		Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
1492	H19.174-250718-1296	18/07/2025		UBND xã Dầu Giây		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
1493	H19.151-250718-6417	18/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1494	H19.151-250717-3544	17/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1495	H19.151-250717-4761	17/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1496	H19.22.24-250717-3134	17/07/2025		UBND phường Long Bình		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
1497	H19.151-250717-4299	17/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1498	H19.151-250717-6767	17/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1499	H19.206-250717-7232	17/07/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
1500	H19.9-250717-0002	17/07/2025		Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong case giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
1501	H19.151-250717-1027	17/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.000045.000.00.00.H19	Xác nhận bằng kê làm sản.
1502	H19.151-250717-6938	17/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1503	H19.151-250717-4718	17/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1504	H19.151-250717-4801	17/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1505	H19.151-250717-3010	17/07/2025	31/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012786.H19	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất
1506	H19.151-250717-7121	17/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1507	H19.151-250717-7045	17/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1508	H19.3-250717-0415	17/07/2025		Sở Nội vụ		-1	1	2.000205.000.00.00.H19	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam
1509	H19.22.24-250717-2847	17/07/2025		UBND phường Long Bình		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
1510	H19.151-250717-3897	17/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1511	H19.165-250717-3703	17/07/2025		UBND xã Long Phước		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
1512	H19.151-250717-1842	17/07/2025	31/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	5	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1513	H19.151-250717-3670	17/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1514	H19.151-250717-5424	17/07/2025	31/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1515	H19.165-250717-0581	17/07/2025		UBND xã Long Phước		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
1516	H19.151-250717-1255	17/07/2025	31/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1517	H19.151-250717-6899	17/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1518	H19.151-250717-0881	17/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1519	H19.162-250717-6483	17/07/2025	01/08/2025	UBND xã Nhơn Trạch		-1	4	1.008455.000.00.00.H19	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã
1520	H19.151-250717-1396	17/07/2025	31/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1521	H19.154-250717-2494	17/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
1522	H19.151-250717-6040	17/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1523	H19.195-250717-0721	17/07/2025	22/07/2025	UBND xã Thanh Sơn		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
1524	H19.151-250717-6417	17/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1525	H19.163-250717-2712	17/07/2025	01/08/2025	UBND xã Phước An		-1	4	1.008455.000.00.00.H19	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã

1526	H19.182-250717-3300	17/07/2025	18/07/2025	UBND xã Xuân Quế		-1	2	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
1527	H19.151-250716-6489	17/07/2025	31/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1528	H19.151-250717-0632	17/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1529	H19.151-250717-4596	17/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1530	H19.151-250717-6039	17/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1531	H19.154-250717-7466	17/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
1532	H19.18-250717-5805	17/07/2025		Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Nai		-1	1	3.000024.H19	Đề nghị thanh toán chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa
1533	H19.151-250717-6963	17/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1534	H19.151-250717-0116	17/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1535	H19.201-250717-7069	17/07/2025		UBND xã Phú Lâm		-1	1	1.000045.000.00.00.H19	Xác nhận bằng kê lâm sản.
1536	H19.151-250717-2751	17/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1537	H19.151-250717-4951	17/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1538	H19.151-250717-6832	17/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1539	H19.151-250717-6907	17/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1540	H19.151-250717-3844	17/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1541	H19.29-250623-2656	17/07/2025	07/08/2025	UBND huyện Định Quán - tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
1542	H19.151-250717-5298	17/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1543	H19.151-250717-5912	17/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	2	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
1544	H19.151-250717-5289	17/07/2025	09/09/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.004363.000.00.00.H19	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật
1545	H19.162-250717-6389	17/07/2025	01/08/2025	UBND xã Nhơn Trạch		-1	4	1.008455.000.00.00.H19	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã
1546	H19.151-250717-5995	17/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1547	H19.151-250717-2324	17/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1548	H19.151-250717-2473	17/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1549	H19.206-250717-7395	17/07/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	1.001193.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký khai sinh
1550	H19.9-250717-0009	17/07/2025		Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
1551	H19.189-250717-0812	17/07/2025		UBND xã Xuân Lộc		-1	1	1.000045.000.00.00.H19	Xác nhận bằng kê lâm sản.
1552	H19.189-250717-0345	17/07/2025		UBND xã Xuân Lộc		-1	1	1.000045.000.00.00.H19	Xác nhận bằng kê lâm sản.
1553	H19.189-250717-0559	17/07/2025		UBND xã Xuân Lộc		-1	1	1.000045.000.00.00.H19	Xác nhận bằng kê lâm sản.
1554	H19.189-250717-0657	17/07/2025		UBND xã Xuân Lộc		-1	1	1.000045.000.00.00.H19	Xác nhận bằng kê lâm sản.
1555	H19.189-250717-0717	17/07/2025		UBND xã Xuân Lộc		-1	1	1.000045.000.00.00.H19	Xác nhận bằng kê lâm sản.
1556	H19.189-250717-0889	17/07/2025		UBND xã Xuân Lộc		-1	1	1.000045.000.00.00.H19	Xác nhận bằng kê lâm sản.
1557	H19.189-250717-0602	17/07/2025		UBND xã Xuân Lộc		-1	1	1.000045.000.00.00.H19	Xác nhận bằng kê lâm sản.
1558	H19.189-250717-0393	17/07/2025		UBND xã Xuân Lộc		-1	1	1.000045.000.00.00.H19	Xác nhận bằng kê lâm sản.
1559	H19.189-250717-0769	17/07/2025		UBND xã Xuân Lộc		-1	1	1.000045.000.00.00.H19	Xác nhận bằng kê lâm sản.
1560	H19.151-250717-4509	17/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1561	H19.151-250717-7029	17/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1562	H19.9-250717-0019	17/07/2025		Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
1563	H19.151-250716-4666	17/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
1564	H19.151-250717-2746	17/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1565	H19.151-250717-0270	17/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1566	H19.9-250717-0018	17/07/2025		Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
1567	H19.151-250717-0348	17/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1568	H19.151-250717-3057	17/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1569	H19.182-250717-0807	17/07/2025	18/07/2025	UBND xã Xuân Quế		-1	2	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
1570	H19.151-250717-4453	17/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1571	H19.151-250717-5108	17/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1572	H19.201-250717-3028	17/07/2025		UBND xã Phú Lâm		-1	1	1.000045.000.00.00.H19	Xác nhận bằng kê lâm sản.
1573	H19.151-250716-4909	16/07/2025	30/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1574	H19.151-250716-2617	16/07/2025	30/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.

1575	H19.151-250716-4814	16/07/2025	30/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1576	H19.151-250716-4887	16/07/2025	30/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1577	H19.151-250716-1128	16/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1578	H19.151-250716-5934	16/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1579	H19.151-250716-2326	16/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1580	H19.151-250716-5010	16/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1581	H19.151-250716-4862	16/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1582	H19.206-250716-7093	16/07/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	1.001266.000.00.00.H19	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh
1583	H19.151-250716-6777	16/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1584	H19.151-250716-4275	16/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1585	H19.151-250715-7287	16/07/2025	30/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1586	H19.151-250716-4764	16/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
1587	H19.151-250714-0796	16/07/2025	06/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
1588	H19.151-250714-1020	16/07/2025	06/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
1589	H19.154-250716-3174	16/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hồ tịch, bản sao Giấy khai sinh
1590	H19.151-250715-6872	16/07/2025	21/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1591	H19.151-250716-0318	16/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
1592	H19.151-250716-1469	16/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1593	H19.151-250716-2754	16/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1594	H19.151-250716-2095	16/07/2025	30/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1595	H19.151-250716-6254	16/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1596	H19.151-250716-6333	16/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1597	H19.151-250715-7616	16/07/2025	30/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1598	H19.151-250716-1983	16/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1599	H19.151-250716-4553	16/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1600	H19.151-250716-1529	16/07/2025	23/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1601	H19.151-250716-1466	16/07/2025	23/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012768.H19	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giám diện tích thửa đất đo sát lộ tự nhiên
1602	H19.151-250716-3294	16/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1603	H19.9-250716-0019	16/07/2025		Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
1604	H19.151-250716-5609	16/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1605	H19.151-250716-0893	16/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1606	H19.151-250716-0728	16/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1607	H19.151-250716-3559	16/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011442.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1608	H19.151-250716-4306	16/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1609	H19.151-250716-4611	16/07/2025	30/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012781.H19	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với Giấy chứng nhận đã cấp
1610	H19.189-250716-2366	16/07/2025		UBND xã Xuân Lộc		-1	1	1.000045.000.00.00.H19	Xác nhận bằng kê làm sán.
1611	H19.151-250716-4793	16/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1612	H19.161-250716-0679	16/07/2025		UBND xã Đại Phước		-1	1	1.004859.000.00.00.H19	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hồ tịch, xác định lai dân tộc
1613	H19.161-250716-0864	16/07/2025		UBND xã Đại Phước		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hồ tịch, bản sao Giấy khai sinh
1614	H19.161-250716-0742	16/07/2025		UBND xã Đại Phước		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hồ tịch, bản sao Giấy khai sinh
1615	H19.151-250716-5031	16/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1616	H19.151-250716-3034	16/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1617	H19.18-250710-2642	16/07/2025	13/08/2025	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.005061.000.00.00.H19	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học
1618	H19.196-250716-2019	16/07/2025		UBND xã Phú Vinh		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
1619	H19.174-250716-1214	16/07/2025		UBND xã Dầu Giây		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
1620	H19.151-250716-5658	16/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1621	H19.151-250716-6972	16/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất

1622	H19.151-250716-4980	16/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1623	H19.151-250714-0867	16/07/2025	06/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
1624	H19.151-250714-0753	16/07/2025	06/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
1625	H19.151-250714-0912	16/07/2025	06/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
1626	H19.151-250716-4480	16/07/2025	30/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1627	H19.151-250715-7416	16/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
1628	H19.151-250716-6393	16/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1629	H19.151-250716-4840	16/07/2025	30/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1630	H19.151-250715-0776	15/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1631	H19.151-250715-4247	15/07/2025	29/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	5	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1632	H19.148-250715-1854	15/07/2025		UBND Xã Đak Nhou		-1	1	2.001035.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở
1633	H19.148-250715-1540	15/07/2025		UBND Xã Đak Nhou		-1	1	2.001035.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở
1634	H19.151-250715-1130	15/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1635	H19.196-250715-2697	15/07/2025		UBND xã Phú Vinh		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
1636	H19.151-250715-2555	15/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1637	H19.148-250715-2413	15/07/2025		UBND Xã Đak Nhou		-1	1	2.001035.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở
1638	H19.151-250715-2627	15/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1639	H19.151-250715-0184	15/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1640	H19.151-250715-3102	15/07/2025	05/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
1641	H19.148-250715-2281	15/07/2025		UBND Xã Đak Nhou		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
1642	H19.151-250715-4368	15/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1643	H19.148-250715-2135	15/07/2025		UBND Xã Đak Nhou		-1	1	2.001035.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở
1644	H19.151-250715-5662	15/07/2025	22/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
1645	H19.151-250715-3011	15/07/2025	29/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1646	H19.151-250715-4399	15/07/2025	29/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1647	H19.151-250715-4426	15/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1648	H19.151-250715-0374	15/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1649	H19.151-250715-3843	15/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1650	H19.151-250715-3858	15/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1651	H19.118-250715-3981	15/07/2025		UBND Phường An Lộc		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
1652	H19.151-250715-0252	15/07/2025	29/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	29/07/2025	-1	5	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1653	H19.154-250715-3416	15/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	1.004859.000.00.00.H19	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hồ tịch, xác định lại dân tộc
1654	H19.151-250715-3760	15/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1655	H19.151-250715-6987	15/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1656	H19.151-250715-6890	15/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1657	H19.9-250715-0064	15/07/2025		Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
1658	H19.140-250715-4217	15/07/2025		UBND Xã Thuận Lợi		-1	1	1.004873.000.00.00.H19	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
1659	H19.151-250715-1518	15/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1660	H19.151-250715-3559	15/07/2025	31/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
1661	H19.3-250715-1730	15/07/2025		Sở Nội vụ		-1	1	1.000105.000.00.00.H19	Bảo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài
1662	H19.151-250715-0565	15/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1663	H19.151-250715-0485	15/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1664	H19.9-250715-0063	15/07/2025		Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
1665	H19.151-250715-4183	15/07/2025	05/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
1666	H19.151-250714-3600	15/07/2025	31/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
1667	H19.160-250715-2144	15/07/2025		UBND phường Tam Phước		-1	1	1.004873.000.00.00.H19	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
1668	H19.151-250715-4522	15/07/2025	22/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
1669	H19.148-250715-1950	15/07/2025		UBND Xã Đak Nhou		-1	1	2.001035.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở

1670	H19.151-250715-3670	15/07/2025	22/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	2	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
1671	H19.151-250715-5703	15/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1672	H19.151-250715-5728	15/07/2025	29/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1673	H19.151-250715-6245	15/07/2025	16/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1674	H19.160-250715-3233	15/07/2025		UBND phường Tam Phước		-1	1	1.004873.000.00.00.H19	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
1675	H19.151-250715-2116	15/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1676	H19.151-250715-1683	15/07/2025	31/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
1677	H19.178-250715-2924	15/07/2025	05/08/2025	UBND phường Báo Vinh		-1	4	1.008456.000.00.00.H19	Thủ tục hành chính cung cấp thông tin quy hoạch thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã
1678	H19.194-250715-7464	15/07/2025		UBND xã Định Quán		-1	1	1.004859.000.00.00.H19	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc
1679	H19.151-250715-3299	15/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1680	H19.151-250715-6158	15/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1681	H19.152-250715-4220	15/07/2025		UBND phường Biên Hòa		-1	1	1.001266.000.00.00.H19	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh
1682	H19.206-250715-4647	15/07/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh
1683	H19.151-250715-1360	15/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1684	H19.151-250715-1734	15/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.000045.000.00.00.H19	Xác nhận bằng kê lâm sản.
1685	H19.151-250715-0470	15/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1686	H19.151-250714-2808	14/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1687	H19.155-250714-0148	14/07/2025		UBND phường Long Bình		-1	1	2.001973.000.00.00.H19	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
1688	H19.151-250714-0193	14/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1689	H19.160-250714-6829	14/07/2025		UBND phường Tam Phước		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh
1690	H19.151-250714-4960	14/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1691	H19.151-250714-4851	14/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1692	H19.151-250714-2879	14/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1693	H19.151-250714-4538	14/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1694	H19.151-250712-1302	14/07/2025	31/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	2.001827.000.00.00.H19	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản
1695	H19.151-250714-4911	14/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1696	H19.151-250714-4192	14/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1697	H19.151-250714-4640	14/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1698	H19.151-250714-4241	14/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1699	H19.151-250711-4480	14/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
1700	H19.201-250714-2308	14/07/2025		UBND xã Phú Lâm		-1	1	1.000045.000.00.00.H19	Xác nhận bằng kê lâm sản.
1701	H19.151-250714-6526	14/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1702	H19.151-250714-6455	14/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1703	H19.196-250714-0606	14/07/2025		UBND xã Phú Vinh		-1	1	1.004873.000.00.00.H19	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
1704	H19.189-250714-3803	14/07/2025		UBND xã Xuân Lộc		-1	1	1.004859.000.00.00.H19	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc
1705	H19.151-250714-6722	14/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1706	H19.151-250714-1815	14/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1707	H19.151-250714-5638	14/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1708	H19.160-250714-2513	14/07/2025		UBND phường Tam Phước		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh
1709	H19.151-250714-2508	14/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
1710	H19.110-250714-5662	14/07/2025		UBND Phường Minh Hưng		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
1711	H19.9-250714-0016	14/07/2025		Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
1712	H19.9-250714-0020	14/07/2025		Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
1713	H19.9-250714-0018	14/07/2025		Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
1714	H19.9-250714-0013	14/07/2025		Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
1715	H19.9-250714-0015	14/07/2025		Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận

1716	H19.9-250714-0017	14/07/2025		Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
1717	H19.9-250714-0019	14/07/2025		Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
1718	H19.9-250714-0014	14/07/2025		Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
1719	H19.206-250714-4744	14/07/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hồ tịch, bản sao Giấy khai sinh
1720	H19.151-250714-0561	14/07/2025	28/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1721	H19.157-250714-4720	14/07/2025		UBND phường Hồ Nai		-1	1	1.008455.000.00.00.H19	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã
1722	H19.160-250714-3779	14/07/2025		UBND phường Tam Phước		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hồ tịch, bản sao Giấy khai sinh
1723	H19.151-250714-6511	14/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biến pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1724	H19.9-250714-0004	14/07/2025		Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
1725	H19.151-250714-1350	14/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1726	H19.151-250714-1461	14/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1727	H19.151-250714-3455	14/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
1728	H19.196-250714-5745	14/07/2025		UBND xã Phú Vinh		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
1729	H19.151-250714-7081	14/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1730	H19.151-250714-4899	14/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1731	H19.151-250714-4857	14/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1732	H19.151-250714-2087	14/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1733	H19.151-250714-2221	14/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1734	H19.9-250710-0006	14/07/2025		Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
1735	H19.153-250713-0210	13/07/2025		UBND phường Trần Biên		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
1736	H19.151-250712-0741	12/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
1737	H19.160-250712-1729	12/07/2025		UBND phường Tam Phước		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
1738	H19.160-250712-1077	12/07/2025		UBND phường Tam Phước		-1	1	1.004884.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký lại khai sinh
1739	H19.151-250712-0265	12/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
1740	H19.151-250712-0626	12/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
1741	H19.189-250710-4822	12/07/2025		UBND xã Xuân Lộc		-1	1	1.004873.000.00.00.H19	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
1742	H19.151-250712-0653	12/07/2025	28/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1743	H19.160-250712-1680	12/07/2025		UBND phường Tam Phước		-1	1	1.004873.000.00.00.H19	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
1744	H19.162-250711-4850	12/07/2025	04/08/2025	UBND xã Nhơn Trạch		-1	4	1.004873.000.00.00.H19	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
1745	H19.151-250711-0873	12/07/2025	15/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	2	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biến pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1746	H19.162-250711-4612	12/07/2025	04/08/2025	UBND xã Nhơn Trạch		-1	4	1.004873.000.00.00.H19	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
1747	H19.151-250712-0557	12/07/2025	04/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	2	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
1748	H19.206-250712-1469	12/07/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
1749	H19.151-250707-0861	11/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
1750	H19.9-250711-0006	11/07/2025		Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hồ tịch, bản sao Giấy khai sinh
1751	H19.151-250711-4119	11/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1752	H19.148-250711-3874	11/07/2025	03/08/2025	UBND Xã Đak Nhau		-1	4	1.004873.000.00.00.H19	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
1753	H19.151-250711-1683	11/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1754	H19.151-250711-2014	11/07/2025	25/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	6	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1755	H19.148-250710-3237	11/07/2025	03/08/2025	UBND Xã Đak Nhau		-1	4	1.004873.000.00.00.H19	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
1756	H19.151-250710-4695	11/07/2025	09/09/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.004363.000.00.00.H19	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật
1757	H19.156-250711-4934	11/07/2025		UBND phường Trảng Dài		-1	2	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
1758	H19.151-250711-4691	11/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất

1759	H19.14-250711-2007	11/07/2025		Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.001046.000.00.00.H19	Chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác
1760	H19.151-250711-2715	11/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
1761	H19.151-250711-2487	11/07/2025	08/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012781.H19	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với Giấy chứng nhận đã cấp
1762	H19.160-250711-2823	11/07/2025		UBND phường Tam Phước		-1	1	1.000894.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký kết hôn
1763	H19.151-250711-1991	11/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
1764	H19.151-250711-1385	11/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1765	H19.9-250711-0007	11/07/2025		Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
1766	H19.155-250711-3005	11/07/2025		UBND phường Long Bình		-1	1	1.000045.000.00.00.H19	Xác nhận bằng kê làm sản.
1767	H19.162-250710-4181	11/07/2025	03/08/2025	UBND xã Nhơn Trạch		-1	4	1.004873.000.00.00.H19	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
1768	H19.151-250711-0394	11/07/2025	25/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1769	H19.151-250711-2832	11/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1770	H19.160-250711-0382	11/07/2025		UBND phường Tam Phước		-1	1	2.000748.000.00.00.H19	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hồ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài
1771	H19.151-250709-5090	11/07/2025	18/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	2	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1772	H19.151-250711-1030	11/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1773	H19.151-250711-2143	11/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1774	H19.153-250711-3377	11/07/2025		UBND phường Trăn Biên		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hồ tịch, bản sao Giấy khai sinh
1775	H19.151-250711-4075	11/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1776	H19.151-250711-3978	11/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1777	H19.151-250710-3696	11/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
1778	H19.151-250711-1227	11/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.000045.000.00.00.H19	Xác nhận bằng kê làm sản.
1779	H19.9-250711-0001	11/07/2025		Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
1780	H19.151-250711-0532	11/07/2025	01/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
1781	H19.151-250711-0369	11/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1782	H19.151-250711-2172	11/07/2025	08/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012781.H19	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với Giấy chứng nhận đã cấp
1783	H19.151-250710-0035	10/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1784	H19.151-250710-4805	10/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1785	H19.151-250710-3994	10/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1786	H19.151-250710-4838	10/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1787	H19.151-250710-0110	10/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1788	H19.151-250710-0529	10/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1789	H19.151-250710-1363	10/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1790	H19.151-250710-1824	10/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1791	H19.151-250710-0702	10/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1792	H19.151-250710-0246	10/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1793	H19.151-250710-3952	10/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1794	H19.151-250710-2748	10/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1795	H19.151-250710-0938	10/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1796	H19.151-250710-1246	10/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1797	H19.151-250710-3515	10/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1798	H19.151-250710-2201	10/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1799	H19.151-250710-4351	10/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1800	H19.151-250710-4365	10/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1801	H19.151-250710-4350	10/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1802	H19.151-250710-4349	10/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1803	H19.151-250710-4361	10/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1804	H19.151-250710-0692	10/07/2025	31/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
1805	H19.151-250710-0426	10/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất

1806	H19.160-250710-2076	10/07/2025		UBND phường Tam Phước		-1	1	1.004859.000.00.00.H19	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hồ tịch, xác định lại dân tộc
1807	H19.151-250710-1398	10/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1808	H19.154-250710-4572	10/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
1809	H19.151-250710-0820	10/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012786.H19	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất
1810	H19.151-250710-0889	10/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012786.H19	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất
1811	H19.151-250710-1297	10/07/2025	27/08/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.001686.000.00.00.H19	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y
1812	H19.151-250710-2091	10/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012790.H19	Định chính Giấy chứng nhận đã cấp.
1813	H19.151-250710-2168	10/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012790.H19	Định chính Giấy chứng nhận đã cấp.
1814	H19.151-250710-0614	10/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1815	H19.151-250710-3249	10/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1816	H19.3-250710-2650	10/07/2025		Sở Nội vụ		-1	1	1.000105.000.00.00.H19	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài
1817	H19.151-250710-2401	10/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1818	H19.151-250710-1200	10/07/2025	31/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
1819	H19.206-250710-3758	10/07/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	1.001266.000.00.00.H19	Chấm dứt hoạt động hồ kinh doanh
1820	H19.151-250710-2658	10/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1821	H19.151-250710-1995	10/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012790.H19	Định chính Giấy chứng nhận đã cấp.
1822	H19.151-250710-1301	10/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012790.H19	Định chính Giấy chứng nhận đã cấp.
1823	H19.196-250710-4157	10/07/2025	24/07/2025	UBND xã Phú Vinh		-1	4	1.012816.H19	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông
1824	H19.152-250710-3049	10/07/2025		UBND phường Biên Hòa		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
1825	H19.151-250710-0697	10/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1826	H19.151-250710-1193	10/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1827	H19.151-250710-0682	10/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1828	H19.151-250710-4842	10/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1829	H19.151-250710-4846	10/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1830	H19.151-250710-4845	10/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1831	H19.9-250710-0002	10/07/2025		Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
1832	H19.151-250710-3595	10/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1833	H19.151-250710-2390	10/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1834	H19.151-250710-0757	10/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1835	H19.151-250710-4087	10/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1836	H19.151-250710-4118	10/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1837	H19.3-250710-3017	10/07/2025		Sở Nội vụ		-1	1	1.000105.000.00.00.H19	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài
1838	H19.151-250710-0280	10/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1839	H19.151-250709-4823	09/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1840	H19.151-250709-4806	09/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1841	H19.151-250709-4779	09/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1842	H19.151-250709-2718	09/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1843	H19.151-250709-1758	09/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1844	H19.151-250709-1665	09/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1845	H19.151-250709-5288	09/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1846	H19.173-250709-0299	09/07/2025	08/08/2025	UBND xã Hưng Thịnh		-1	4	1.001776.000.00.00.H19	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng
1847	H19.151-250709-0736	09/07/2025	10/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	2	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1848	H19.151-250709-5344	09/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1849	H19.151-250709-2603	09/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1850	H19.29.22-250709-3941	09/07/2025	10/07/2025	UBND xã La Ngà		-1	2	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
1851	H19.151-250709-0121	09/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1852	H19.206-250709-3029	09/07/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh

1853	H19.151-250709-2350	09/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1854	H19.163-250709-3447	09/07/2025	10/07/2025	UBND xã Phước An		-1	2	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
1855	H19.151-250709-0531	09/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1856	H19.151-250709-0530	09/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1857	H19.151-250709-3249	09/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1858	H19.151-250709-1305	09/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1859	H19.151-250709-1702	09/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1860	H19.122-250709-1318	09/07/2025	14/07/2025	UBND Xã Lộc Tấn		-1	4	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
1861	H19.151-250709-3359	09/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1862	H19.151-250709-0051	09/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1863	H19.151-250709-2739	09/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1864	H19.151-250709-3632	09/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1865	H19.151-250709-2857	09/07/2025	23/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012786.H19	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất
1866	H19.151-250709-1064	09/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1867	H19.151-250709-5281	09/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1868	H19.151-250709-4079	09/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1869	H19.151-250709-3124	09/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1870	H19.154-250709-1553	09/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
1871	H19.28.19-250709-1049	09/07/2025		UBND xã Nam Cát Tiên		-1	1	2.001035.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở
1872	H19.151-250709-3718	09/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1873	H19.151-250709-4403	09/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1874	H19.151-250709-4176	09/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1875	H19.151-250709-4236	09/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1876	H19.151-250709-4113	09/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1877	H19.151-250709-5335	09/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1878	H19.154-250709-1942	09/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
1879	H19.151-250709-0306	09/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1880	H19.151-250709-0873	09/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1881	H19.167-250708-4163	09/07/2025	03/08/2025	UBND xã Long Thành		-1	4	1.004884.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký lại khai sinh
1882	H19.151-250709-5087	09/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1883	H19.151-250708-3144	09/07/2025	30/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	2.001827.000.00.00.H19	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản
1884	H19.151-250709-5009	09/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1885	H19.151-250709-1851	09/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1886	H19.151-250709-0917	09/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1887	H19.151-250709-1375	09/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1888	H19.148-250709-2751	09/07/2025	01/08/2025	UBND Xã Đak Nhau		-1	4	1.004873.000.00.00.H19	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
1889	H19.151-250709-1184	09/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012786.H19	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất
1890	H19.151-250709-4966	09/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1891	H19.151-250709-0177	09/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất

1892	H19.151-250709-0157	09/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1893	H19.151-250709-3414	09/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1894	H19.151-250709-1242	09/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1895	H19.151-250709-1378	09/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1896	H19.151-250709-0969	09/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1897	H19.151-250709-0535	09/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1898	H19.201-250709-3884	09/07/2025	03/08/2025	UBND xã Phú Lâm		-1	4	1.004884.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký lại khai sinh
1899	H19.151-250709-3865	09/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1900	H19.151-250709-2762	09/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011442.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1901	H19.151-250709-3166	09/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1902	H19.151-250709-4655	09/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012768.H19	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giám diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên
1903	H19.154-250709-0680	09/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
1904	H19.163-250709-0451	09/07/2025		UBND xã Phước An		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
1905	H19.151-250709-1312	09/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1906	H19.154-250709-4035	09/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
1907	H19.151-250709-4099	09/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1908	H19.151-250709-4215	09/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1909	H19.170-250709-1689	09/07/2025		UBND Xã Bình Minh		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
1910	H19.151-250709-2767	09/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1911	H19.151-250709-1548	09/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1912	H19.151-250709-1952	09/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1913	H19.151-250709-2565	09/07/2025	30/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
1914	H19.151-250709-3223	09/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1915	H19.153-250709-4953	09/07/2025		UBND phường Trần Biên		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hồ tịch, bản sao Giấy khai sinh
1916	H19.151-250709-4689	09/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1917	H19.151-250709-4546	09/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1918	H19.151-250709-1376	09/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1919	H19.154-250708-3364	08/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
1920	H19.154-250708-3333	08/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
1921	H19.151-250708-2019	08/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1922	H19.151-250708-1290	08/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1923	H19.151-250708-0828	08/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1924	H19.163-250708-3607	08/07/2025	18/07/2025	UBND xã Phước An		-1	4	1.012796.H19	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót
1925	H19.151-250708-1730	08/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1926	H19.151-250708-1405	08/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1927	H19.151-250708-0769	08/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1928	H19.151-250708-2220	08/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1929	H19.151-250708-0931	08/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1930	H19.151-250708-0561	08/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất

1931	H19.151-250708-0519	08/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1932	H19.151-250708-2292	08/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1933	H19.151-250708-4014	08/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1934	H19.151-250708-4307	08/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1935	H19.151-250708-2066	08/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1936	H19.192-250708-3107	08/07/2025	05/08/2025	UBND xã Xuân Bắc	-1	2	1.012817.H19	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004
1937	H19.151-250708-1839	08/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1938	H19.151-250708-1391	08/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1939	H19.22.39-250708-3808	08/07/2025	02/08/2025	UBND phường Trảng Dài	-1	2	1.004772.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hộ sơ, giấy tờ cá nhân
1940	H19.151-250708-1425	08/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1941	H19.151-250708-0942	08/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1942	H19.22-250708-0408	08/07/2025		UBND thành phố Biên Hòa - tỉnh Đồng Nai	-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
1943	H19.151-250707-4747	08/07/2025	22/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.012786.H19	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất
1944	H19.151-250708-2791	08/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1945	H19.151-250708-2407	08/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1946	H19.151-250708-2143	08/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1947	H19.192-250707-1405	08/07/2025	09/07/2025	UBND xã Xuân Bắc	-1	4	2.000815.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận
1948	H19.151-250708-0793	08/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1949	H19.154-250708-3432	08/07/2025		UBND phường Tam Hiệp	-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
1950	H19.184-250707-5009	08/07/2025	02/08/2025	UBND xã Cẩm Mỹ	-1	4	1.004884.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký lại khai sinh
1951	H19.151-250708-1076	08/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1952	H19.151-250708-3334	08/07/2025	29/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
1953	H19.151-250708-3338	08/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1954	H19.151-250708-3198	08/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1955	H19.12-250707-4839	08/07/2025	07/08/2025	Sở Y tế tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.004593.000.00.00.H19	Cấp lần đầu và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược đối với trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyển bán lẻ được liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền)
1956	H19.151-250708-4125	08/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1957	H19.151-250708-3649	08/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.012786.H19	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất
1958	H19.206-250708-2936	08/07/2025		UBND phường Tân Triều	-1	1	1.004859.000.00.00.H19	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc
1959	H19.151-250708-3895	08/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1960	H19.154-250708-0619	08/07/2025		UBND phường Tam Hiệp	-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
1961	H19.151-250708-3882	08/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1962	H19.192-250708-4489	08/07/2025		UBND xã Xuân Bắc	-1	1	1.004873.000.00.00.H19	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
1963	H19.151-250708-1446	08/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1964	H19.151-250708-1258	08/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1965	H19.151-250708-2481	08/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1966	H19.151-250617-0966	08/07/2025	28/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.012788.H19	Đăng ký đất đai đối với trường hợp chuyển nhượng dự án bất động sản
1967	H19.151-250708-3319	08/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1968	H19.151-250708-3575	08/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.012787.H19	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản
1969	H19.189-250708-4939	08/07/2025		UBND xã Xuân Lộc	-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh
1970	H19.151-250708-2625	08/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1971	H19.151-250708-2699	08/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1972	H19.151-250708-4471	08/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất

1973	H19.154-250708-3240	08/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
1974	H19.151-250708-0222	08/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012787.H19	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản
1975	H19.151-250708-4199	08/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1976	H19.189-250708-1158	08/07/2025		UBND xã Xuân Lộc		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh
1977	H19.151-250708-1888	08/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1978	H19.154-250708-3425	08/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
1979	H19.154-250708-5007	08/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
1980	H19.151-250708-3369	08/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biến pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1981	H19.151-250708-0285	08/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biến pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1982	H19.151-250708-0303	08/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biến pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
1983	H19.151-250708-2157	08/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1984	H19.154-250708-0690	08/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
1985	H19.151-250707-0126	07/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1986	H19.151-250707-4877	07/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1987	H19.154-250707-4589	07/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
1988	H19.151-250707-4789	07/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1989	H19.196-250707-3695	07/07/2025		UBND xã Phú Vinh		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
1990	H19.185-250707-1627	07/07/2025	14/07/2025	UBND xã Sông Ray		-1	4	1.000894.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký kết hôn
1991	H19.151-250707-4693	07/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
1992	H19.151-250707-0770	07/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1993	H19.151-250707-5004	07/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
1994	H19.196-250707-3191	07/07/2025		UBND xã Phú Vinh		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
1995	H19.206-250707-0915	07/07/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	1.000894.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký kết hôn
1996	H19.12-250704-3336	07/07/2025	06/08/2025	Sở Y tế tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.004593.000.00.00.H19	Cấp lần đầu và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược đối với trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ được liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền)
1997	H19.32-250707-1542	07/07/2025		UBND huyện Nhơn Trạch - tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
1998	H19.185-250707-0608	07/07/2025	10/07/2025	UBND xã Sông Ray		-1	4	1.004873.000.00.00.H19	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
1999	H19.200-250707-3239	07/07/2025		UBND xã Tân Phú		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
2000	H19.23-250417-3457	07/07/2025		UBND thành phố Long Khánh - tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012785.H19	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định
2001	H19.151-250707-0205	07/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2002	H19.151-250707-4848	07/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2003	H19.151-250707-2718	07/07/2025	28/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
2004	H19.151-250707-3129	07/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2005	H19.151-250707-4879	07/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012786.H19	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất
2006	H19.151-250707-2679	07/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất

2007	H19.151-250707-3479	07/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2008	H19.151-250707-3588	07/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012768.H19	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên
2009	H19.151-250707-0903	07/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012768.H19	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên
2010	H19.163-250707-4505	07/07/2025	08/07/2025	UBND xã Phước An		-1	2	2.000815.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận
2011	H19.151-250707-4840	07/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2012	H19.27-250707-4548	07/07/2025	16/07/2025	UBND huyện Vĩnh Cửu - tỉnh Đồng Nai		-1	2	1.012808.H19	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân khi hết hạn sử dụng đất
2013	H19.151-250707-4857	07/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2014	H19.151-250707-1243	07/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
2015	H19.206-250707-0646	07/07/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	1.001266.000.00.00.H19	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh
2016	H19.154-250707-4071	07/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cá trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
2017	H19.151-250707-0032	07/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2018	H19.151-250707-4961	07/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
2019	H19.151-250707-3098	07/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2020	H19.206-250707-0443	07/07/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	1.000894.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký kết hôn
2021	H19.160-250707-3659	07/07/2025		UBND phường Tam Phước		-1	1	1.004873.000.00.00.H19	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
2022	H19.154-250707-0603	07/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cá trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
2023	H19.206-250707-2191	07/07/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	1.004873.000.00.00.H19	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
2024	H19.151-250707-2111	07/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2025	H19.151-250707-3023	07/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
2026	H19.151-250707-3096	07/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
2027	H19.196-250707-4571	07/07/2025		UBND xã Phú Vinh		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cá trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
2028	H19.115-250704-3198	07/07/2025	06/08/2025	UBND Xã Tân Khai		-1	4	1.001776.000.00.00.H19	Thực hiện, điều chỉnh, thời hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng
2029	H19.201-250705-1015	07/07/2025	08/07/2025	UBND xã Phú Lâm		-1	2	2.000815.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận
2030	H19.31-250618-3967	07/07/2025		UBND huyện Trảng Bom - tỉnh Đồng Nai		-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
2031	H19.163-250704-3205	07/07/2025	17/07/2025	UBND xã Phước An		-1	4	1.012796.H19	Định chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót
2032	H19.206-250707-0697	07/07/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh
2033	H19.151-250707-4993	07/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2034	H19.151-250707-5006	07/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2035	H19.167-250707-2389	07/07/2025		UBND xã Long Thành		-1	1	2.000181.000.00.00.H19	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá
2036	H19.151-250704-1096	07/07/2025	10/09/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.004346.000.00.00.H19	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật
2037	H19.151-250707-0357	07/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
2038	H19.154-250707-0594	07/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cá trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
2039	H19.151-250707-4386	07/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
2040	H19.151-250707-1734	07/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2041	H19.151-250707-3797	07/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
2042	H19.154-250707-1897	07/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cá trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
2043	H19.154-250707-1749	07/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cá trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
2044	H19.206-250707-1791	07/07/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	1.004884.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký lại khai sinh

2045	H19.196-250707-3865	07/07/2025		UBND xã Phú Vinh		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
2046	H19.151-250707-4622	07/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
2047	H19.206-250707-2673	07/07/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
2048	H19.151-250707-4774	07/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2049	H19.151-250707-3100	07/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
2050	H19.200-250707-1802	07/07/2025		UBND xã Tân Phú		-1	1	1.004859.000.00.00.H19	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc
2051	H19.206-250707-1880	07/07/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	1.004859.000.00.00.H19	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc
2052	H19.206-250707-1555	07/07/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	1.004873.000.00.00.H19	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
2053	H19.154-250707-4314	07/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
2054	H19.151-250707-4155	07/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
2055	H19.154-250707-4002	07/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
2056	H19.160-250707-5046	07/07/2025		UBND phường Tam Phước		-1	1	1.000894.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký kết hôn
2057	H19.153-250707-2113	07/07/2025		UBND phường Trảng Bền		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh
2058	H19.22.20-250624-0051	07/07/2025		UBND phường Bửu Hòa		-1	1	1.000894.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký kết hôn
2059	H19.180-250707-4411	07/07/2025		UBND phường Long Khánh		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
2060	H19.187-250707-4252	07/07/2025		UBND xã Xuân Định		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận
2061	H19.154-250707-4441	07/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
2062	H19.154-250707-0433	07/07/2025		UBND phường Tam Hiệp		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
2063	H19.151-250706-0021	06/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012765.H19	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng
2064	H19.206-250706-0093	06/07/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	1.001266.000.00.00.H19	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh
2065	H19.206-250706-0012	06/07/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
2066	H19.151-250706-0015	06/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012765.H19	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng
2067	H19.151-250706-0008	06/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2068	H19.206-250706-0078	06/07/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	1.004873.000.00.00.H19	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
2069	H19.151-250705-0822	05/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012765.H19	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng
2070	H19.151-250705-0402	05/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012765.H19	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng
2071	H19.151-250705-0833	05/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2072	H19.151-250705-0099	05/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2073	H19.151-250705-0319	05/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2074	H19.151-250705-0817	05/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
2075	H19.151-250705-0170	05/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất

2076	H19.151-250705-0364	05/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
2077	H19.151-250705-0246	05/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2078	H19.151-250705-0388	05/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
2079	H19.151-250705-0352	05/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2080	H19.151-250705-0517	05/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
2081	H19.151-250705-0646	05/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2082	H19.155-250705-0970	05/07/2025		UBND phường Long Bình		-1	1	2.000181.000.00.00.H19	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá
2083	H19.151-250704-0617	04/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
2084	H19.151-250704-0273	04/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
2085	H19.151-250704-3254	04/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
2086	H19.155-250704-2158	04/07/2025		UBND phường Long Bình		-1	1	1.004901.000.00.00.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã
2087	H19.180-250704-0098	04/07/2025		UBND phường Long Khánh		-1	1	1.000894.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký kết hôn
2088	H19.151-250704-0771	04/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
2089	H19.151-250704-1464	04/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
2090	H19.151-250704-0835	04/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012765.H19	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng
2091	H19.151-250704-2828	04/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
2092	H19.151-250704-1446	04/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2093	H19.151-250704-0107	04/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012786.H19	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất
2094	H19.151-250704-1424	04/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2095	H19.151-250704-1989	04/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012765.H19	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng
2096	H19.151-250704-1908	04/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2097	H19.206-250704-1597	04/07/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	1.004873.000.00.00.H19	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
2098	H19.151-250704-1151	04/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2099	H19.159-250703-3464	04/07/2025		UBND phường Phước Tân		-1	1	1.000656.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký khai tử
2100	H19.157-250703-3503	04/07/2025		UBND phường Hồ Nai		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
2101	H19.151-250704-2368	04/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2102	H19.151-250704-2717	04/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
2103	H19.151-250704-2989	04/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
2104	H19.151-250704-2614	04/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
2105	H19.151-250704-1018	04/07/2025	09/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	2	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
2106	H19.151-250704-1303	04/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
2107	H19.151-250704-2186	04/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
2108	H19.151-250704-2349	04/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
2109	H19.206-250704-0368	04/07/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	1.004884.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký lại khai sinh
2110	H19.151-250704-1942	04/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2111	H19.151-250704-0666	04/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
2112	H19.151-250704-1893	04/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2113	H19.151-250704-1662	04/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
2114	H19.151-250704-0039	04/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012786.H19	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất
2115	H19.151-250704-0010	04/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012786.H19	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất
2116	H19.151-250704-2948	04/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
2117	H19.139-250703-3436	04/07/2025		UBND Phường Bình Phước		-1	1	1.004873.000.00.00.H19	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
2118	H19.206-250704-1650	04/07/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	1.004873.000.00.00.H19	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
2119	H19.206-250704-0030	04/07/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
2120	H19.151-250704-1126	04/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất

2121	H19.151-250704-0364	04/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
2122	H19.151-250704-0438	04/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
2123	H19.151-250704-0937	04/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
2124	H19.151-250704-2250	04/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
2125	H19.169-250703-0776	04/07/2025	05/08/2025	UBND xã An Viễn	-1	4	1.001776.000.00.00.H19	Thực hiện, điều chỉnh, thời hướng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng
2126	H19.151-250704-1297	04/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.012765.H19	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng
2127	H19.151-250704-0996	04/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2128	H19.206-250704-0722	04/07/2025		UBND phường Tân Triều	-1	1	1.000894.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký kết hôn
2129	H19.151-250704-1032	04/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
2130	H19.151-250704-0935	04/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2131	H19.151-250704-0837	04/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.012786.H19	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất
2132	H19.206-250704-1882	04/07/2025		UBND phường Tân Triều	-1	1	1.000894.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký kết hôn
2133	H19.151-250704-1700	04/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
2134	H19.115-250704-2354	04/07/2025	05/08/2025	UBND Xã Tân Khai	-1	4	1.001776.000.00.00.H19	Thực hiện, điều chỉnh, thời hướng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng
2135	H19.163-250704-0517	04/07/2025	07/07/2025	UBND xã Phước An	-1	2	2.000815.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận
2136	H19.151-250704-2941	04/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.012768.H19	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên
2137	H19.151-250703-3410	04/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.009478.000.00.00.H19	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành
2138	H19.206-250704-3280	04/07/2025		UBND phường Tân Triều	-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh
2139	H19.206-250704-3278	04/07/2025		UBND phường Tân Triều	-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh
2140	H19.163-250704-0050	04/07/2025	07/07/2025	UBND xã Phước An	-1	2	2.000815.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận
2141	H19.9-250703-0005	04/07/2025	13/08/2025	Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai	-1	4	1.000828.000.00.00.H19	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư
2142	H19.151-250704-1488	04/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2143	H19.151-250704-0065	04/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.012786.H19	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất
2144	H19.115-250704-2943	04/07/2025	05/08/2025	UBND Xã Tân Khai	-1	4	1.001776.000.00.00.H19	Thực hiện, điều chỉnh, thời hướng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng
2145	H19.151-250704-2007	04/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.012786.H19	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất
2146	H19.151-250704-1606	04/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.012786.H19	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất
2147	H19.206-250704-1017	04/07/2025		UBND phường Tân Triều	-1	1	1.001266.000.00.00.H19	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh
2148	H19.151-250704-1398	04/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2149	H19.151-250704-1592	04/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.012786.H19	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất
2150	H19.151-250704-1496	04/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.012786.H19	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất
2151	H19.151-250704-2675	04/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.012793.H19	Đăng ký biến động đối với trường hợp thành viên của hộ gia đình hoặc cá nhân đang sử dụng đất thành lập doanh nghiệp tư nhân và sử dụng đất vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp
2152	H19.151-250703-1444	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.012765.H19	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng
2153	H19.151-250703-3256	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
2154	H19.151-250703-0851	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
2155	H19.151-250703-0720	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
2156	H19.151-250703-0745	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2157	H19.151-250703-2245	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
2158	H19.151-250703-2205	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
2159	H19.151-250703-0928	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai	-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.

2160	H19.151-250703-1937	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
2161	H19.151-250703-1975	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
2162	H19.151-250625-2684	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2163	H19.163-250703-2251	03/07/2025	04/07/2025	UBND xã Phước An		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận
2164	H19.151-250703-1565	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012786.H19	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất
2165	H19.12-250702-2593	03/07/2025	02/08/2025	Sở Y tế tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.004593.000.00.00.H19	Cấp lần đầu và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được đối với trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ được liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền)
2166	H19.151-250703-2030	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
2167	H19.160-250703-3276	03/07/2025		UBND phường Tam Phước		-1	1	1.004859.000.00.00.H19	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hồ tịch, xác định lại dân tộc
2168	H19.151-250703-0434	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
2169	H19.151-250703-1293	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
2170	H19.151-250703-0963	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
2171	H19.151-250703-1393	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2172	H19.151-250703-2266	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
2173	H19.163-250703-1831	03/07/2025	04/07/2025	UBND xã Phước An		-1	2	2.000815.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận
2174	H19.163-250703-2639	03/07/2025	04/07/2025	UBND xã Phước An		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận
2175	H19.151-250703-0141	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2176	H19.151-250703-0787	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
2177	H19.151-250703-1396	03/07/2025	10/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	2	1.012768.H19	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên
2178	H19.160-250703-1432	03/07/2025		UBND phường Tam Phước		-1	1	1.004873.000.00.00.H19	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
2179	H19.151-250703-0588	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2180	H19.151-250703-2428	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
2181	H19.151-250703-2790	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
2182	H19.151-250703-0051	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2183	H19.151-250703-1165	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2184	H19.151-250703-1691	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012790.H19	Định chính Giấy chứng nhận đã cấp.
2185	H19.151-250703-1667	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012790.H19	Định chính Giấy chứng nhận đã cấp.
2186	H19.151-250703-1674	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012790.H19	Định chính Giấy chứng nhận đã cấp.
2187	H19.151-250703-1684	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012790.H19	Định chính Giấy chứng nhận đã cấp.
2188	H19.151-250703-1693	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012790.H19	Định chính Giấy chứng nhận đã cấp.
2189	H19.151-250703-1689	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012790.H19	Định chính Giấy chứng nhận đã cấp.
2190	H19.151-250703-1676	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012790.H19	Định chính Giấy chứng nhận đã cấp.
2191	H19.151-250703-1681	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012790.H19	Định chính Giấy chứng nhận đã cấp.
2192	H19.151-250623-2731	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012792.H19	Gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất mà người xin gia hạn sử dụng đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao.
2193	H19.151-250703-1679	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012790.H19	Định chính Giấy chứng nhận đã cấp.
2194	H19.174-250703-0301	03/07/2025	04/07/2025	UBND xã Dầu Giây		-1	2	2.000815.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận
2195	H19.151-250703-3093	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
2196	H19.151-250703-1013	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
2197	H19.151-250703-1083	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
2198	H19.163-250703-2135	03/07/2025	04/07/2025	UBND xã Phước An		-1	2	2.000815.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận
2199	H19.7-250703-0475	03/07/2025	07/08/2025	Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai		-1	4	2.000591.000.00.00.H19	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương/ Sở An toàn thực phẩm/Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện
2200	H19.145-250703-2408	03/07/2025	08/07/2025	UBND Xã Nghĩa Trung		-1	4	1.001612.000.00.00.H19	Đăng ký thành lập hồ kinh doanh
2201	H19.151-250703-2141	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
2202	H19.151-250703-2264	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
2203	H19.151-250703-2466	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.

2204	H19.188-250702-2645	03/07/2025	04/07/2025	UBND xã Xuân Phú		-1	2	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
2205	H19.163-250703-2309	03/07/2025	04/07/2025	UBND xã Phước An		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận
2206	H19.151-250703-1854	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
2207	H19.151-250703-0769	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
2208	H19.163-250703-2697	03/07/2025	04/07/2025	UBND xã Phước An		-1	2	2.000815.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận
2209	H19.151-250703-1185	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
2210	H19.151-250703-0199	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
2211	H19.151-250703-1265	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
2212	H19.180-250703-1064	03/07/2025		UBND phường Long Khánh		-1	1	1.000894.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký kết hôn
2213	H19.151-250703-0340	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
2214	H19.151-250703-2538	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
2215	H19.151-250703-2253	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2216	H19.151-250703-2403	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
2217	H19.151-250703-0271	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
2218	H19.151-250703-0789	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012786.H19	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất
2219	H19.151-250703-1228	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2220	H19.151-250703-1215	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2221	H19.151-250703-0157	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2222	H19.151-250703-0589	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2223	H19.151-250703-0396	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
2224	H19.151-250703-0380	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
2225	H19.206-250703-2351	03/07/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	1.004873.000.00.00.H19	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
2226	H19.163-250703-3025	03/07/2025	04/07/2025	UBND xã Phước An		-1	2	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
2227	H19.151-250703-1741	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
2228	H19.171-250703-1197	03/07/2025	31/07/2025	UBND xã Trảng Bom		-1	4	1.012814.H19	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, hộ gia đình đang sử dụng đất
2229	H19.163-250703-2341	03/07/2025	04/07/2025	UBND xã Phước An		-1	2	2.000815.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận
2230	H19.163-250703-2018	03/07/2025	04/07/2025	UBND xã Phước An		-1	2	2.000815.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận
2231	H19.163-250703-1789	03/07/2025	04/07/2025	UBND xã Phước An		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận
2232	H19.151-250703-2169	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
2233	H19.151-250703-3111	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012765.H19	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng
2234	H19.166-250703-1037	03/07/2025	07/08/2025	UBND xã Bình An		-1	4	1.001699.000.00.00.H19	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật
2235	H19.151-250703-2594	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012765.H19	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng
2236	H19.151-250703-2082	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2237	H19.151-250703-0864	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2238	H19.151-250703-0946	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012786.H19	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất
2239	H19.163-250703-2964	03/07/2025	04/07/2025	UBND xã Phước An		-1	1	2.000884.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
2240	H19.31.32-250627-0981	03/07/2025		UBND xã Sông Trầu		-1	1	1.001266.000.00.00.H19	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh

2241	H19.151-250703-2473	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012765.H19	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng
2242	H19.151-250703-3082	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2243	H19.151-250703-1047	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2244	H19.163-250703-1902	03/07/2025	04/07/2025	UBND xã Phước An		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận
2245	H19.151-250703-0204	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2246	H19.151-250703-0182	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012768.H19	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giám diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên
2247	H19.163-250703-2093	03/07/2025	04/07/2025	UBND xã Phước An		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận
2248	H19.163-250703-3094	03/07/2025	04/07/2025	UBND xã Phước An		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận
2249	H19.163-250703-3035	03/07/2025	04/07/2025	UBND xã Phước An		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận
2250	H19.151-250703-0954	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2251	H19.192-250703-0270	03/07/2025	31/07/2025	UBND xã Xuân Bắc		-1	4	1.012814.H19	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, hộ gia đình đang sử dụng đất
2252	H19.151-250703-1428	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2253	H19.163-250703-2053	03/07/2025	04/07/2025	UBND xã Phước An		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận
2254	H19.151-250703-0297	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012786.H19	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất
2255	H19.151-250703-2547	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012765.H19	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng
2256	H19.151-250703-0398	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012786.H19	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất
2257	H19.151-250703-2736	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012765.H19	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng
2258	H19.151-250703-0662	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2259	H19.189-250703-0266	03/07/2025	31/07/2025	UBND xã Xuân Lộc		-1	4	1.012775.H19	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đất đai mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân
2260	H19.163-250703-2568	03/07/2025	04/07/2025	UBND xã Phước An		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận
2261	H19.163-250703-2735	03/07/2025	04/07/2025	UBND xã Phước An		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận
2262	H19.151-250703-2734	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012786.H19	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất
2263	H19.163-250703-1969	03/07/2025	04/07/2025	UBND xã Phước An		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận
2264	H19.151-250703-2044	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2265	H19.151-250703-1731	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
2266	H19.151-250703-1327	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2267	H19.151-250703-0035	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2268	H19.151-250703-2292	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2269	H19.151-250703-0665	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
2270	H19.151-250703-0077	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biến pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất

2271	H19.151-250703-3079	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2272	H19.163-250703-2410	03/07/2025	04/07/2025	UBND xã Phước An		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận
2273	H19.163-250703-3066	03/07/2025	04/07/2025	UBND xã Phước An		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận
2274	H19.192-250703-0218	03/07/2025	31/07/2025	UBND xã Xuân Bắc		-1	4	1.012814.H19	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, hộ gia đình đang sử dụng đất
2275	H19.151-250703-2248	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2276	H19.163-250703-2836	03/07/2025	04/07/2025	UBND xã Phước An		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận
2277	H19.151-250703-1724	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
2278	H19.151-250703-3336	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biến pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
2279	H19.163-250703-2913	03/07/2025	04/07/2025	UBND xã Phước An		-1	2	2.000815.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận
2280	H19.22-250703-2834	03/07/2025		UBND thành phố Biên Hòa - tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012796.H19	Định chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót
2281	H19.163-250703-2883	03/07/2025	04/07/2025	UBND xã Phước An		-1	1	2.000815.000.00.00.H19	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận
2282	H19.151-250703-1793	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2283	H19.206-250703-2072	03/07/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	1.004873.000.00.00.H19	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
2284	H19.151-250703-1901	03/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
2285	H19.151-250702-1392	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biến pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
2286	H19.151-250702-1388	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biến pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
2287	H19.192-250702-1160	02/07/2025	30/07/2025	UBND xã Xuân Bắc		-1	4	1.012814.H19	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, hộ gia đình đang sử dụng đất
2288	H19.192-250702-1120	02/07/2025	30/07/2025	UBND xã Xuân Bắc		-1	4	1.012814.H19	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, hộ gia đình đang sử dụng đất
2289	H19.151-250702-1816	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
2290	H19.160-250630-1691	02/07/2025		UBND phường Tam Phước		-1	1	1.004873.000.00.00.H19	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
2291	H19.206-250702-0963	02/07/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	1.004873.000.00.00.H19	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
2292	H19.151-250702-0037	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
2293	H19.151-250702-0061	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
2294	H19.206-250702-2782	02/07/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	1.004873.000.00.00.H19	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
2295	H19.151-250702-1216	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2296	H19.206-250702-2347	02/07/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	1.004873.000.00.00.H19	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
2297	H19.153-250629-0702	02/07/2025	06/08/2025	UBND phường Trấn Biên		-1	4	2.000591.000.00.00.H19	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương/ Sở An toàn thực phẩm/Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện
2298	H19.206-250702-1930	02/07/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	1.000894.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký kết hôn
2299	H19.206-250702-2020	02/07/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	1.004873.000.00.00.H19	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
2300	H19.151-250702-1972	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
2301	H19.151-250702-1457	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biến pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
2302	H19.151-250702-1719	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biến pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
2303	H19.151-250702-2635	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2304	H19.151-250702-1050	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012772.H19	Đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm; bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả xử lý khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài
2305	H19.9-250702-0006	02/07/2025	11/08/2025	Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.000828.000.00.00.H19	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư
2306	H19.151-250702-0843	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
2307	H19.151-250702-0302	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biến pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
2308	H19.151-250702-0406	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
2309	H19.9-250702-0001	02/07/2025	11/08/2025	Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.000828.000.00.00.H19	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư

2310	H19.206-250702-2022	02/07/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	1.000894.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký kết hôn
2311	H19.151-250702-0781	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
2312	H19.206-250702-2545	02/07/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	1.004873.000.00.00.H19	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
2313	H19.160-250702-1406	02/07/2025		UBND phường Tam Phước		-1	1	2.000635.000.00.00.H19	Cấp bản sao Trích lục hồ tịch, bản sao Giấy khai sinh
2314	H19.151-250702-1325	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012790.H19	Định chính Giấy chứng nhận đã cấp.
2315	H19.151-250702-0446	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012765.H19	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng
2316	H19.151-250702-1163	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012768.H19	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sát lộ tự nhiên
2317	H19.206-250702-2174	02/07/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	1.000894.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký kết hôn
2318	H19.206-250702-0137	02/07/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	1.004873.000.00.00.H19	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
2319	H19.206-250702-0301	02/07/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	1.004873.000.00.00.H19	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
2320	H19.151-250702-0481	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
2321	H19.151-250702-0541	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
2322	H19.151-250702-0510	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2323	H19.206-250702-0442	02/07/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	1.004873.000.00.00.H19	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
2324	H19.151-250702-0707	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2325	H19.151-250702-2647	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2326	H19.206-250702-0329	02/07/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	1.004873.000.00.00.H19	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
2327	H19.151-250702-2666	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012765.H19	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng
2328	H19.206-250702-2196	02/07/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	1.000894.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký kết hôn
2329	H19.151-250702-2102	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2330	H19.189-250702-1795	02/07/2025	30/07/2025	UBND xã Xuân Lộc		-1	4	1.012775.H19	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đất đai mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân
2331	H19.151-250702-1418	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012765.H19	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng
2332	H19.151-250702-2990	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012765.H19	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng
2333	H19.151-250702-1068	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
2334	H19.151-250702-0194	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012765.H19	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng
2335	H19.151-250702-1381	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012765.H19	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng
2336	H19.151-250702-0546	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2337	H19.151-250702-2665	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2338	H19.151-250702-0346	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012790.H19	Định chính Giấy chứng nhận đã cấp.
2339	H19.151-250702-0803	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012786.H19	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất

2340	H19.151-250702-2415	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012787.H19	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản
2341	H19.151-250702-2379	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012786.H19	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất
2342	H19.151-250702-0761	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2343	H19.151-250702-0665	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2344	H19.151-250702-0155	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2345	H19.151-250702-0731	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012786.H19	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất
2346	H19.151-250702-0399	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.
2347	H19.151-250702-1657	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012793.H19	Đăng ký biến động đối với trường hợp thành viên của hộ gia đình hoặc cá nhân đang sử dụng đất thành lập doanh nghiệp tư nhân và sử dụng đất vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp
2348	H19.151-250702-1476	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012765.H19	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng
2349	H19.151-250702-2384	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012793.H19	Đăng ký biến động đối với trường hợp thành viên của hộ gia đình hoặc cá nhân đang sử dụng đất thành lập doanh nghiệp tư nhân và sử dụng đất vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp
2350	H19.189-250702-2035	02/07/2025	30/07/2025	UBND xã Xuân Lộc		-1	5	1.012775.H19	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đất đai mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân
2351	H19.151-250702-0082	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2352	H19.151-250702-2546	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012787.H19	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản
2353	H19.151-250702-0758	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012790.H19	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp.
2354	H19.151-250702-1644	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2355	H19.192-250702-1805	02/07/2025	30/07/2025	UBND xã Xuân Bắc		-1	4	1.012814.H19	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, hộ gia đình đang sử dụng đất
2356	H19.151-250702-0222	02/07/2025	09/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	2	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2357	H19.151-250702-1596	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2358	H19.151-250702-2675	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012772.H19	Đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm; bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả xử lý khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài
2359	H19.151-250702-1057	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012786.H19	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất
2360	H19.151-250702-2289	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012765.H19	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng
2361	H19.151-250702-2393	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012787.H19	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản
2362	H19.151-250702-2497	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012787.H19	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản
2363	H19.151-250702-2449	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012787.H19	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản
2364	H19.151-250702-1759	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012786.H19	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất

2365	H19.151-250702-2529	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012787.H19	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản
2366	H19.192-250702-0777	02/07/2025	30/07/2025	UBND xã Xuân Bắc		-1	4	1.012814.H19	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, hộ gia đình đang sử dụng đất
2367	H19.151-250702-2358	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012787.H19	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản
2368	H19.151-250702-2663	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012772.H19	Đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm; bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả xử lý khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài
2369	H19.206-250702-2432	02/07/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	1.000656.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký khai tử
2370	H19.151-250702-1674	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012772.H19	Đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm; bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả xử lý khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài
2371	H19.189-250702-2183	02/07/2025	30/07/2025	UBND xã Xuân Lộc		-1	5	1.012775.H19	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đất đai mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân
2372	H19.166-250702-0964	02/07/2025	06/08/2025	UBND xã Bình An		-1	4	1.001699.000.00.00.H19	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật
2373	H19.151-250702-0376	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012786.H19	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất
2374	H19.206-250702-1532	02/07/2025		UBND phường Tân Triều		-1	1	1.004884.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký lại khai sinh
2375	H19.151-250702-1487	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
2376	H19.151-250702-0725	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2377	H19.151-250702-1969	02/07/2025	07/07/2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
2378	H19.151-250702-2405	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012793.H19	Đăng ký biến động đối với trường hợp thành viên của hộ gia đình hoặc cá nhân đang sử dụng đất thành lập doanh nghiệp tư nhân và sử dụng đất vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp
2379	H19.151-250702-0587	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
2380	H19.151-250702-1771	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2381	H19.151-250702-0461	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2382	H19.151-250702-0319	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2383	H19.151-250702-0557	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012765.H19	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng
2384	H19.151-250702-0496	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012765.H19	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng

2385	H19.151-250702-0611	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012765.H19	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng
2386	H19.189-250702-0038	02/07/2025	30/07/2025	UBND xã Xuân Lộc		-1	5	1.012775.H19	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đất đai mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân
2387	H19.151-250702-0726	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2388	H19.9-250702-0005	02/07/2025	11/08/2025	Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai		-1	4	1.000828.000.00.00.H19	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư
2389	H19.151-250702-2467	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
2390	H19.189-250702-1960	02/07/2025	30/07/2025	UBND xã Xuân Lộc		-1	5	1.012775.H19	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đất đai mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân
2391	H19.151-250702-1384	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
2392	H19.151-250702-0784	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012786.H19	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất
2393	H19.151-250702-0768	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012786.H19	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất
2394	H19.151-250702-2606	02/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012786.H19	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất
2395	H19.151-250701-1518	01/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2396	H19.151-250701-0789	01/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
2397	H19.151-250701-1695	01/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011441.000.00.00.H19	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
2398	H19.151-250701-1650	01/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2399	H19.151-250701-0251	01/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
2400	H19.151-250701-0688	01/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012765.H19	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng
2401	H19.151-250701-1703	01/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012768.H19	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liên kế; giám diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên
2402	H19.151-250701-0080	01/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
2403	H19.151-250701-0013	01/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012793.H19	Đăng ký biến động đối với trường hợp thành viên của hộ gia đình hoặc cá nhân đang sử dụng đất thành lập doanh nghiệp tư nhân và sử dụng đất vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp
2404	H19.151-250701-0650	01/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012765.H19	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng
2405	H19.151-250701-1555	01/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2406	H19.151-250701-1009	01/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012765.H19	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng
2407	H19.151-250701-0963	01/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012765.H19	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng
2408	H19.151-250701-1032	01/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012765.H19	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng
2409	H19.151-250701-1241	01/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012789.H19	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.

[illegible]

2424	H19.151-250701-1697	01/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012768.H19	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sát lộ tự nhiên
2425	H19.24-250701-1372	01/07/2025	04/07/2025	UBND huyện Cẩm Mỹ - tỉnh Đồng Nai		-1	2	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
2426	H19.22.38-250701-0011	01/07/2025		UBND phường Thống Nhất		-1	1	1.012808.H19	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân khi hết hạn sử dụng đất
2427	H19.151-250701-1766	01/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
2428	H19.151-250701-1092	01/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2429	H19.151-250701-1109	01/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2430	H19.151-250701-1099	01/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2431	H19.151-250701-1083	01/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2432	H19.151-250701-1309	01/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
2433	H19.151-250701-1304	01/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
2434	H19.31-250611-3521	01/07/2025		UBND huyện Trảng Bom - tỉnh Đồng Nai		-1	1	2.000720.000.00.00.H19	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
2435	H19.151-250701-1512	01/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.011443.000.00.00.H19	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất
2436	H19.151-250701-0361	01/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.
2437	H19.160-250701-1236	01/07/2025		UBND phường Tam Phước		-1	1	1.000894.000.00.00.H19	Thủ tục đăng ký kết hôn
2438	H19.113-250701-0977	01/07/2025	02/07/2025	UBND Xã Tân Quan		-1	2	2.000815.000.00.00.H19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận
2439	H19.22.39-250626-1935	01/07/2025		UBND phường Trảng Dài		-1	1	1.004873.000.00.00.H19	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
2440	H19.151-250701-1657	01/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	2	1.012765.H19	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng
2441	H19.24-250701-1692	01/07/2025		UBND huyện Cẩm Mỹ - tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012772.H19	Đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm; bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả xử lý khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài
2442	H19.151-250701-0649	01/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2443	H19.151-250701-0632	01/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012783.H19	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
2444	H19.24-250701-1459	01/07/2025		UBND huyện Cẩm Mỹ - tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012772.H19	Đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm; bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả xử lý khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

2445	H19.24-250701-1237	01/07/2025		UBND huyện Cẩm Mỹ - tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012772.H19	Đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm; bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả xử lý khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài
2446	H19.151-250701-1158	01/07/2025		Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai		-1	1	1.012784.H19	Tách thửa hoặc hợp thửa đất.